



Mã số hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ
8506.60	- Bảng kẽm-khí:	CTH
8506.80	- Pin và bộ pin khác:	CTH
8506.90	- Bộ phận	CTH
85.07	Ắc qui điện, kể cả tấm vách ngăn của nó, có hoặc không ở dạng hình chữ nhật (kể cả hình vuông).	
8507.10	- Bảng axit - chì, loại dùng để khởi động động cơ piston:	CTH hoặc CTSH+VAC 60%
8507.20	- Ắc qui axit - chì khác:	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
8507.30	- Bảng niken-cadimi:	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
8507.50	- Bảng niken - hydrua kim loại:	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
8507.60	- Bảng ion-liti:	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
8507.80	- Ắc qui khác:	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
8507.90	- Bộ phận:	CTH
85.08	Máy hút bụi.	
	- Có động cơ điện gắn liền:	
8508.11	- - Công suất không quá 1.500 W và có túi hứng bụi hoặc đồ chứa khác với sức chứa không quá 20 lít	CTH hoặc CTSH+VAC 40%
8508.19	- - Loại khác:	CTH hoặc CTSH+VAC 40%
8508.60	- Máy hút bụi khác	CTH hoặc CTSH+VAC 40%
8508.70	- Bộ phận:	CTH
85.09	Thiết bị cơ điện gia dụng có động cơ điện gắn liền, trừ máy hút bụi của nhóm 85.08.	
8509.40	- Máy nghiền và trộn thức ăn; máy ép quả hoặc rau	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
8509.80	- Thiết bị khác:	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
8509.90	- Bộ phận:	CTH
85.10	Máy cạo, tông đơ và các dụng cụ loại bỏ râu, lông, tóc, có động cơ điện gắn liền.	

Mã số hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ
8510.10	- Máy cạo	CTH hoặc CTSH+VAC 40%
8510.20	- Tông đơ	CTH hoặc CTSH+VAC 40%
8510.30	- Dụng cụ loại bỏ râu, lông, tóc	CTH hoặc CTSH+VAC 40%
8510.90	- Bộ phận	CTH
85.11	Thiết bị đánh lửa hoặc khởi động bằng điện loại dùng cho động cơ đốt trong đốt cháy bằng tia lửa điện hoặc cháy do nén (ví dụ, magneto đánh lửa, dynamo magneto, cuộn dây đánh lửa, bugi đánh lửa và bugi sấy, động cơ khởi động); máy phát điện (ví dụ, dynamo, alternator) và thiết bị ngắt mạch loại được sử dụng cùng các động cơ nêu trên.	
8511.10	- Bugi đánh lửa:	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
8511.20	- Magneto đánh lửa; dynamo mangneto; bánh đà từ tính:	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
8511.30	- Bộ phân phối điện; cuộn dây đánh lửa:	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
8511.40	- Động cơ khởi động và máy tổ hợp hai tính năng khởi động và phát điện:	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
8511.50	- Máy phát điện khác:	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
8511.80	- Thiết bị khác:	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
8511.90	- Bộ phận:	CTH
85.12	Thiết bị chiếu sáng hoặc thiết bị tín hiệu hoạt động bằng điện (trừ loại thuộc nhóm 85.39), gạt nước, gạt và chống tạo sương và tuyết trên kính chắn, loại dùng cho xe đạp hoặc xe có động cơ.	
8512.10	- Thiết bị chiếu sáng hoặc tạo tín hiệu trực quan dùng cho xe đạp	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
8512.20	- Thiết bị chiếu sáng hoặc tạo tín hiệu trực quan khác:	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
8512.30	- Thiết bị tín hiệu âm thanh:	CTH hoặc CTSH+VAC 50%

Mã số hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ
8512.40	- Cái gạt nước, gạt và chống tạo sương và tuyết	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
8512.90	- Bộ phận:	CTH
85.13	Đèn điện xách tay được thiết kế để hoạt động bằng nguồn năng lượng riêng của nó (ví dụ, pin khô, ắc qui, magneto), trừ thiết bị chiếu sáng thuộc nhóm 85.12.	
8513.10	- Đèn:	CTH
8513.90	- Bộ phận:	CTH
85.14	Lò luyện, nung và lò sấy điện dùng trong công nghiệp hoặc trong phòng thí nghiệm (kể cả các loại hoạt động bằng cảm ứng điện hoặc tổn hao điện môi); các thiết bị khác dùng trong công nghiệp hoặc trong phòng thí nghiệm để xử lý nhiệt các vật liệu bằng cảm ứng điện hoặc tổn hao điện môi.	
	- Lò luyện, nung và lò sấy gia nhiệt bằng điện trở:	
8514.11	- - Lò ép nóng đẳng tĩnh	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
8514.19	- - Loại khác	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
8514.20	- Lò luyện, nung và lò sấy hoạt động bằng cảm ứng điện hoặc tổn hao điện môi:	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
	- Lò luyện, nung và lò sấy khác:	
8514.31	- - Lò tia điện tử (tia electron):	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
8514.32	- - Lò hồ quang plasma và chân không :	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
8514.39	- - Loại khác:	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
8514.40	- Thiết bị khác để xử lý nhiệt các vật liệu bằng cảm ứng điện hoặc tổn hao điện môi	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
8514.90	- Bộ phận:	CTH
85.15	Máy và thiết bị hàn các loại dùng điện (kể cả khí ga nung nóng bằng điện), dùng chùm tia laser hoặc chùm tia sáng khác hoặc chùm pho-tông, siêu âm, chùm electron, xung từ hoặc hồ quang, có hoặc không có khả năng cắt; máy và thiết bị dùng điện để xì nóng kim loại hoặc gôm kim loại.	

Mã số hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ
	- Máy và thiết bị để hàn chảy (nguyên lý hàn thiếc, chỉ có phần nguyên liệu hàn được làm nóng chảy, đối tượng được hàn không bị nóng chảy):	
8515.11	- - Mỏ hàn sắt và súng hàn	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
8515.19	- - Loại khác:	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
	- Máy và thiết bị để hàn kim loại bằng nguyên lý điện trở:	
8515.21	- - Loại tự động hoàn toàn hoặc một phần	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
8515.29	- - Loại khác	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
	- Máy và thiết bị hàn hồ quang kim loại (kể cả hồ quang plasma):	
8515.31	- - Loại tự động hoàn toàn hoặc một phần	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
8515.39	- - Loại khác:	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
8515.80	- Máy và thiết bị khác:	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
8515.90	- Bộ phận:	CTH
85.16	Dụng cụ điện đun nước nóng tức thời hoặc đun nước nóng có dự trữ và đun nước nóng kiểu nhúng; dụng cụ điện làm nóng không gian và làm nóng đất; dụng cụ nhiệt điện làm tóc (ví dụ, máy sấy tóc, máy uốn tóc, dụng cụ kẹp uốn tóc) và máy sấy làm khô tay; bàn là điện; dụng cụ nhiệt điện gia dụng khác; các loại điện trở đốt nóng bằng điện, trừ loại thuộc nhóm 85.45.	
8516.10	- Dụng cụ điện đun nước nóng tức thời hoặc đun nước nóng có dự trữ và đun nước nóng kiểu nhúng:	CTH hoặc CTSH+VAC 40%
	- Dụng cụ điện làm nóng không gian và làm nóng đất:	
8516.21	- - Loại bức xạ giữ nhiệt	CTH hoặc CTSH+VAC 40%
8516.29	- - Loại khác	CTH hoặc CTSH+VAC 55%
	- Dụng cụ làm tóc hoặc máy sấy làm khô tay nhiệt điện:	

Mã số hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ
8516.31	- - Máy sấy khô tóc	CTH hoặc CTSH+VAC 40%
8516.32	- - Dụng cụ làm tóc khác	CTH hoặc CTSH+VAC 40%
8516.33	- - Máy sấy làm khô tay	CTH hoặc CTSH+VAC 40%
8516.40	- Bàn là điện:	CTH hoặc CTSH+VAC 40%
8516.50	- Lò vi sóng	CTH hoặc CTSH+VAC 40%
8516.60	- Các loại lò khác; nồi nấu, bếp đun dạng tấm đun, vòng đun sôi, thiết bị kiểu vi nướng và lò nướng:	CTH hoặc CTSH+VAC 40%
	- Dụng cụ nhiệt điện khác:	
8516.71	- - Dụng cụ pha chè hoặc cà phê	CTH hoặc CTSH+VAC 40%
8516.72	- - Lò nướng bánh (toasters)	CTH hoặc CTSH+VAC 40%
8516.79	- - Loại khác:	CTH hoặc CTSH+VAC 40%
8516.80	- Điện trở đốt nóng bằng điện:	CTH hoặc CTSH+VAC 40%
8516.90	- Bộ phận:	CTH
85.17	Bộ điện thoại, kể cả điện thoại thông minh và điện thoại khác cho mạng di động tế bào hoặc mạng không dây khác; thiết bị khác để truyền hoặc nhận tiếng, hình ảnh hoặc dữ liệu khác, kể cả các thiết bị viễn thông nối mạng hữu tuyến hoặc không dây (như loại sử dụng trong mạng nội bộ hoặc mạng diện rộng), trừ loại thiết bị truyền hoặc thu của nhóm 84.43, 85.25, 85.27 hoặc 85.28.	
	- Bộ điện thoại, kể cả điện thoại thông minh và điện thoại khác cho mạng di động tế bào hoặc mạng không dây khác:	
8517.11	- - Bộ điện thoại hữu tuyến với điện thoại cầm tay không dây	CTH hoặc CTSH+VAC 40%
8517.13	- - Điện thoại thông minh	CTH hoặc CTSH+VAC 40%
8517.14	- - Điện thoại khác cho mạng di động tế bào hoặc mạng không dây khác	CTH hoặc CTSH+VAC 40%

Mã số hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ
8517.18	- - Loại khác	CTH hoặc CTSH+VAC 40%
	- Thiết bị khác để phát hoặc nhận tiếng, hình ảnh hoặc dữ liệu khác, kể cả thiết bị thông tin hữu tuyến hoặc không dây (như loại sử dụng trong mạng nội bộ hoặc mạng diện rộng):	
8517.61	- - Thiết bị trạm gốc	CTH hoặc CTSH+VAC 40%
8517.62	- - Máy thu, đổi và truyền hoặc tái tạo âm thanh, hình ảnh hoặc dạng dữ liệu khác, kể cả thiết bị chuyển mạch và thiết bị định tuyến:	CTH hoặc CTSH+VAC 40%
8517.69	- - Loại khác	CTH hoặc CTSH+VAC 40%
	- Bộ phận:	
8517.71	- - Ăng ten và bộ phận xạ của ăng ten; các bộ phận sử dụng kèm	CTH hoặc VAC 50%
8517.79	- - Loại khác:	CTH hoặc VAC 50%
85.18	Micro và giá đỡ micro; loa, đã hoặc chưa lắp ráp vào trong vỏ loa; tai nghe có khung chụp qua đầu và tai nghe không có khung chụp qua đầu, có hoặc không ghép nối với một micro, và các bộ gồm có một micro và một hoặc nhiều loa; thiết bị điện khuếch đại âm tần; bộ tăng âm điện.	
8518.10	- Micro và giá đỡ micro:	CTH hoặc CTSH+VAC 40%
	- Loa, đã hoặc chưa lắp vào vỏ loa:	
8518.21	- - Loa đơn, đã lắp vào vỏ loa:	CTH hoặc CTSH+VAC 40%
8518.22	- - Bộ loa, đã lắp vào cùng một vỏ loa:	CTH hoặc CTSH+VAC 40%
8518.29	- - Loại khác:	CTH hoặc CTSH+VAC 40%
8518.30	- Tai nghe có khung chụp qua đầu và tai nghe không có khung chụp qua đầu, có hoặc không nối với một micro, và các bộ gồm một micro và một hoặc nhiều loa:	CTH hoặc CTSH+VAC 40%
8518.40	- Thiết bị điện khuếch đại âm tần:	CTH hoặc CTSH+VAC 40%
8518.50	- Bộ tăng âm điện:	CTH hoặc CTSH+VAC 40%

Mã số hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ
8518.90	- Bộ phận:	CTH hoặc VAC 50%
85.19	Thiết bị ghi hoặc tái tạo âm thanh.	
8519.20	- Thiết bị hoạt động bằng tiền xu, tiền giấy, thẻ ngân hàng, token hoặc bằng phương tiện thanh toán khác:	CTH, ngoại trừ từ 85.22, hoặc CTH+VAC 50%
8519.30	- Đầu quay đĩa (có thể có bộ phận lưu trữ) nhưng không có bộ phận khuếch đại và không có bộ phận phát âm thanh (loa)	CTH, ngoại trừ từ 85.22, hoặc CTH+VAC 50%
	- Thiết bị khác:	
8519.81	- - Thiết bị truyền thông sử dụng công nghệ từ tính, quang học hoặc bán dẫn:	CTH, ngoại trừ từ 85.22, hoặc CTH+VAC 50%
8519.89	- - Loại khác:	CTH, ngoại trừ từ 85.22, hoặc CTH+VAC 50%
85.21	Thiết bị ghi hoặc tái tạo video, có hoặc không gắn bộ phận thu tín hiệu video.	
8521.10	- Loại dùng băng từ:	CTH, ngoại trừ từ 85.22, hoặc CTH+VAC 50%
8521.90	- Loại khác:	CTH, ngoại trừ từ 85.22, hoặc CTH+VAC 50%
85.22	Bộ phận và phụ kiện chỉ dùng hoặc chủ yếu dùng cho các thiết bị của nhóm 85.19 hoặc 85.21.	
8522.10	- Cụm đầu đọc-ghi	CTH
8522.90	- Loại khác:	CTH hoặc VAC 40%
85.23	Đĩa, băng, các thiết bị lưu trữ bền vững, thẻ rắn, “thẻ thông minh” và các phương tiện lưu trữ thông tin khác để ghi âm thanh hoặc các nội dung, hình thức thể hiện khác, đã hoặc chưa ghi, kể cả bản khuôn mẫu và bản gốc để sản xuất băng đĩa, nhưng không bao gồm các sản phẩm của Chương 37.	
	- Phương tiện lưu trữ thông tin từ tính:	
8523.21	- - Thẻ có dải từ:	CTH hoặc VAC 50%
8523.29	- - Loại khác:	CTH hoặc VAC 50%
	- Phương tiện lưu trữ thông tin quang học:	
8523.41	- - Loại chưa ghi:	CTH hoặc VAC 50%
8523.49	- - Loại khác:	CTH hoặc VAC 50%
	- Phương tiện lưu trữ thông tin bán dẫn:	

Mã số hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ
8523.51	- - Các thiết bị lưu trữ bền vững, thẻ rắn:	CTH hoặc VAC 50%
8523.52	- - "Thẻ thông minh"	CTH hoặc VAC 50%
8523.59	- - Loại khác:	CTH hoặc VAC 50%
8523.80	- Loại khác:	CTH hoặc VAC 50%
85.24	Mô-đun màn hình dẹt, có hoặc không tích hợp màn hình cảm ứng.	
	- Không có trình điều khiển (driver) hoặc mạch điều khiển:	
8524.11	- - Bảng tinh thể lỏng	CTH, ngoại trừ từ 85.29, hoặc CTH+VAC 50%
8524.12	- - Bảng đi-ốt phát quang hữu cơ (OLED)	CTH, ngoại trừ từ 85.29, hoặc CTH+VAC 50%
8524.19	- - Loại khác	CTH, ngoại trừ từ 85.29, hoặc CTH+VAC 50%
	- Loại khác:	
8524.91	- - Bảng tinh thể lỏng	CTH, ngoại trừ từ 85.29, hoặc CTH+VAC 50%
8524.92	- - Bảng đi-ốt phát quang hữu cơ (OLED)	CTH, ngoại trừ từ 85.29, hoặc CTH+VAC 50%
8524.99	- - Loại khác	CTH, ngoại trừ từ 85.29, hoặc CTH+VAC 50%
85.25	Thiết bị phát dùng cho phát thanh sóng vô tuyến hoặc truyền hình, có hoặc không gắn với thiết bị thu hoặc ghi hoặc tái tạo âm thanh; camera truyền hình, camera kỹ thuật số và camera ghi hình ảnh.	
8525.50	- Thiết bị phát	CTH, ngoại trừ từ 85.29, hoặc CTH+VAC 40%
8525.60	- Thiết bị phát có gắn với thiết bị thu	CTH, ngoại trừ từ 85.29, hoặc CTH+VAC 40%
	- Camera truyền hình, camera kỹ thuật số và camera ghi hình ảnh:	
8525.81	- - Loại tốc độ cao nêu tại Chú giải Phân nhóm 1 của Chương này:	CTH, ngoại trừ từ 85.29, hoặc

Mã số hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ
		CTH+VAC 40%
8525.82	- - Loại khác, được làm cứng bức xạ hoặc chịu bức xạ nêu tại Chú giải Phân nhóm 2 của Chương này:	CTH, ngoại trừ từ 85.29, hoặc CTH+VAC 40%
8525.83	- - Loại khác, loại nhìn ban đêm nêu tại Chú giải Phân nhóm 3 của Chương này:	CTH, ngoại trừ từ 85.29, hoặc CTH+VAC 40%
8525.89	- - Loại khác:	CTH, ngoại trừ từ 85.29, hoặc CTH+VAC 40%
85.26	Ra đa, các thiết bị dẫn đường bằng sóng vô tuyến và các thiết bị điều khiển từ xa bằng vô tuyến.	
8526.10	- Ra đa:	CTH, ngoại trừ từ 85.29, hoặc CTH+VAC 50%
	- Loại khác:	
8526.91	- - Thiết bị dẫn đường bằng sóng vô tuyến:	CTH, ngoại trừ từ 85.29, hoặc CTH+VAC 50%
8526.92	- - Thiết bị điều khiển từ xa bằng sóng vô tuyến	CTH, ngoại trừ từ 85.29, hoặc CTH+VAC 50%
85.27	Thiết bị thu dùng cho phát thanh sóng vô tuyến, có hoặc không kết hợp với thiết bị ghi hoặc tái tạo âm thanh hoặc với đồng hồ, trong cùng một khối.	
	- Máy thu thanh sóng vô tuyến có thể hoạt động không cần dùng nguồn điện ngoài:	
8527.12	- - Radio cát sét loại bỏ túi	CTH, ngoại trừ từ 85.29, hoặc CTH+VAC 50%
8527.13	- - Thiết bị khác kết hợp với thiết bị ghi hoặc tái tạo âm thanh:	CTH, ngoại trừ từ 85.29, hoặc CTH+VAC 50%
8527.19	- - Loại khác:	CTH, ngoại trừ từ 85.29, hoặc CTH+VAC 50%
	- Máy thu thanh sóng vô tuyến không thể hoạt động khi không có nguồn điện ngoài, loại dùng cho xe có động cơ:	

Mã số hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ
8527.21	- - Kết hợp với thiết bị ghi hoặc tái tạo âm thanh:	CTH, ngoại trừ từ 85.29, hoặc CTH+VAC 50%
8527.29	- - Loại khác	CTH, ngoại trừ từ 85.29, hoặc CTH+VAC 50%
	- Loại khác:	
8527.91	- - Kết hợp với thiết bị ghi hoặc tái tạo âm thanh:	CTH, ngoại trừ từ 85.29, hoặc CTH+VAC 50%
8527.92	- - Không kết hợp với thiết bị ghi hoặc tái tạo âm thanh nhưng gắn với đồng hồ:	CTH, ngoại trừ từ 85.29, hoặc CTH+VAC 50%
8527.99	- - Loại khác:	CTH, ngoại trừ từ 85.29, hoặc CTH+VAC 50%
85.28	Màn hình và máy chiếu, không gắn với thiết bị thu dùng trong truyền hình; thiết bị thu dùng trong truyền hình, có hoặc không gắn với máy thu thanh sóng vô tuyến hoặc thiết bị ghi hoặc tái tạo âm thanh hoặc hình ảnh.	
	- Màn hình sử dụng ống đèn hình tia ca-tốt:	
8528.42	- - Có khả năng kết nối trực tiếp và được thiết kế để dùng cho máy xử lý dữ liệu tự động thuộc nhóm 84.71	CTH, ngoại trừ từ 85.29, hoặc CTH+VAC 60%
8528.49	- - Loại khác:	CTH, ngoại trừ từ 85.29, hoặc CTH+VAC 60%
	- Màn hình khác:	
8528.52	- - Có khả năng kết nối trực tiếp và được thiết kế để dùng cho máy xử lý dữ liệu tự động thuộc nhóm 84.71	CTH, ngoại trừ từ 85.29, hoặc CTH+VAC 60%
8528.59	- - Loại khác:	CTH, ngoại trừ từ 85.29, hoặc CTH+VAC 60%
	- Máy chiếu:	
8528.62	- - Có khả năng kết nối trực tiếp và được thiết kế để dùng cho máy xử lý dữ liệu tự động thuộc nhóm 84.71	CTH, ngoại trừ từ 85.29, hoặc CTH+VAC 60%
8528.69	- - Loại khác:	CTH, ngoại trừ từ 85.29, hoặc CTH+VAC 60%

Mã số hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ
	- Thiết bị thu dùng trong truyền hình, có hoặc không gắn với thiết bị thu thanh sóng vô tuyến hoặc thiết bị ghi hoặc tái tạo âm thanh hoặc hình ảnh:	
8528.71	- - Không thiết kế để gắn với thiết bị hiển thị video hoặc màn ảnh:	CTH, ngoại trừ từ 85.29, hoặc CTH+VAC 60%
8528.72	- - Loại khác, màu:	CTH, ngoại trừ từ 85.29, hoặc CTH+VAC 60%
8528.73	- - Loại khác, đơn sắc	CTH, ngoại trừ từ 85.29, hoặc CTH+VAC 60%
85.29	Bộ phận chỉ dùng hoặc chủ yếu dùng với các thiết bị thuộc các nhóm từ 85.24 đến 85.28.	
8529.10	- Ăng-ten và bộ phận xạ của ăng ten; các bộ phận sử dụng kèm:	CTH hoặc VAC 50%
8529.90	- Loại khác:	CTH hoặc VAC 50%
85.30	Thiết bị điện phát tín hiệu thông tin, bảo đảm an toàn hoặc điều khiển giao thông, dùng cho đường sắt, đường tàu điện, đường bộ, đường thủy nội địa, điểm dừng đỗ, cảng hoặc sân bay (trừ loại thuộc nhóm 86.08).	
8530.10	- Thiết bị dùng cho đường sắt hoặc đường tàu điện	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
8530.80	- Thiết bị khác	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
8530.90	- Bộ phận	CTH
85.31	Thiết bị báo hiệu bằng âm thanh hoặc hình ảnh (ví dụ, chuông, còi báo, bảng chỉ báo, báo động chống trộm hoặc báo cháy), trừ các thiết bị thuộc nhóm 85.12 hoặc 85.30.	
8531.10	- Báo động chống trộm hoặc báo cháy và các thiết bị tương tự:	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
8531.20	- Bảng chỉ báo có gắn màn hình tinh thể lỏng (LCD) hoặc đi-ốt phát quang (LED)	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
8531.80	- Thiết bị khác:	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
8531.90	- Bộ phận:	CTH
85.32	Tụ điện, loại có điện dung cố định, biến đổi hoặc điều chỉnh được (theo mức định trước).	

Mã số hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ
8532.10	- Tụ điện cố định được thiết kế dùng trong mạch có tần số 50/60 Hz và có giới hạn công suất phản kháng cho phép không dưới 0,5 kvar (tụ nguồn)	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
	- Tụ điện cố định khác:	
8532.21	- - Tụ tantan (tantalum)	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
8532.22	- - Tụ nhôm	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
8532.23	- - Tụ gốm, một lớp	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
8532.24	- - Tụ gốm, nhiều lớp	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
8532.25	- - Tụ giấy hoặc plastic	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
8532.29	- - Loại khác	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
8532.30	- Tụ điện biến đổi hoặc tụ điện điều chỉnh được (theo mức định trước)	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
8532.90	- Bộ phận	CTH
85.33	Điện trở (kể cả biến trở và chiết áp), trừ điện trở nung nóng.	
8533.10	- Điện trở than cố định, dạng kết hợp hoặc dạng màng:	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
	- Điện trở cố định khác:	
8533.21	- - Có công suất danh định không quá 20 W	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
8533.29	- - Loại khác	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
	- Điện trở biến đổi kiểu dây quấn, kể cả biến trở và chiết áp:	
8533.31	- - Có công suất danh định không quá 20 W	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
8533.39	- - Loại khác	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
8533.40	- Điện trở biến đổi khác, kể cả biến trở và chiết áp	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
8533.90	- Bộ phận	CTH
8534.00	Mạch in.	CTH

Mã số hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ
85.35	Thiết bị điện để đóng ngắt mạch hoặc bảo vệ mạch điện, hoặc dùng để đấu nối hoặc lắp trong mạch điện (ví dụ, cầu dao, công tắc, cầu chì, bộ chống sét, bộ khống chế điện áp, bộ triệt xung điện, phích cắm và đầu nối khác, hộp đấu nối), dùng cho điện áp trên 1.000 V.	
8535.10	- Cầu chì	CTH, ngoại trừ từ 85.38
	- Bộ ngắt mạch tự động:	
8535.21	- - Có điện áp dưới 72,5 kV:	CTH, ngoại trừ từ 85.38
8535.29	- - Loại khác:	CTH, ngoại trừ từ 85.38
8535.30	- Cầu dao cách ly và thiết bị đóng - ngắt điện:	CTH, ngoại trừ từ 85.38
8535.40	- Bộ chống sét, bộ khống chế điện áp và bộ triệt xung điện	CTH, ngoại trừ từ 85.38
8535.90	- Loại khác:	CTH, ngoại trừ từ 85.38
85.36	Thiết bị điện để đóng ngắt mạch hoặc bảo vệ mạch điện, hoặc dùng để đấu nối hoặc lắp trong mạch điện (ví dụ, cầu dao, rơ le, công tắc, chi tiết đóng ngắt mạch, cầu chì, bộ triệt xung điện, phích cắm, ổ cắm, đui đèn và các đầu nối khác, hộp đấu nối), dùng cho điện áp không quá 1.000V; đầu nối dùng cho sợi quang, bó sợi quang hoặc cáp quang.	
8536.10	- Cầu chì:	CTH, ngoại trừ từ 85.38, hoặc CTH+VAC 50%
8536.20	- Bộ ngắt mạch tự động:	CTH, ngoại trừ từ 85.38, hoặc CTH+VAC 50%
8536.30	- Thiết bị bảo vệ mạch điện khác:	CTH, ngoại trừ từ 85.38, hoặc CTH+VAC 50%
	- Rơ le:	
8536.41	- - Dùng cho điện áp không quá 60 V:	CTH, ngoại trừ từ 85.38, hoặc CTH+VAC 50%
8536.49	- - Loại khác:	CTH, ngoại trừ từ 85.38, hoặc CTH+VAC 50%

Mã số hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ
8536.50	- Thiết bị đóng ngắt mạch khác:	CTH, ngoại trừ từ 85.38, hoặc CTH+VAC 50%
	- Đui đèn, phích cắm và ổ cắm:	
8536.61	-- Đui đèn:	CTH, ngoại trừ từ 85.38, hoặc CTH+VAC 50%
8536.69	-- Loại khác:	CTH, ngoại trừ từ 85.38, hoặc CTH+VAC 50%
8536.70	- Đầu nối dùng cho sợi quang, bó sợi quang hoặc cáp quang:	CTH, ngoại trừ từ 85.38, hoặc CTH+VAC 50%
8536.90	- Thiết bị khác:	CTH, ngoại trừ từ 85.38, hoặc CTH+VAC 50%
85.37	Bảng, panel, giá đỡ, bàn, tủ và các loại hộp và đế khác, được lắp với hai hoặc nhiều thiết bị thuộc nhóm 85.35 hoặc 85.36, dùng để điều khiển hoặc phân phối điện, kể cả các loại trên có lắp các dụng cụ hoặc thiết bị thuộc Chương 90, và các thiết bị điều khiển số, trừ các thiết bị chuyển mạch thuộc nhóm 85.17.	
8537.10	- Dùng cho điện áp không quá 1.000 V:	CTH
8537.20	- Dùng cho điện áp trên 1.000 V:	CTH
85.38	Bộ phận chỉ dùng hoặc chủ yếu dùng với các thiết bị thuộc nhóm 85.35, 85.36 hoặc 85.37.	
8538.10	- Bảng, panel, giá đỡ, bàn, tủ và các loại hộp và đế khác dùng cho các mặt hàng thuộc nhóm 85.37, chưa được lắp đặt các thiết bị của chúng:	CTH
8538.90	- Loại khác:	CTH
85.39	Bóng đèn dây tóc hoặc bóng đèn phóng điện, kể cả đèn pha gắn kín và bóng đèn tia cực tím hoặc tia hồng ngoại; bóng đèn hồ quang; nguồn sáng đi-ốt phát quang (LED).	
8539.10	- Đèn pha gắn kín (sealed beam lamp units):	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
	- Các loại bóng đèn dây tóc khác, trừ bóng đèn tia cực tím hoặc tia hồng ngoại:	
8539.21	-- Bóng đèn ha-lo-gien vonfram:	CTH hoặc CTSH+VAC 50%

Mã số hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ
8539.22	- - Loại khác, có công suất không quá 200 W và điện áp trên 100 V:	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
8539.29	- - Loại khác:	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
	- Bóng đèn phóng, trừ đèn tia cực tím:	
8539.31	- - Bóng đèn huỳnh quang, ca-tốt nóng:	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
8539.32	- - Bóng đèn hơi thủy ngân hoặc natri; bóng đèn halogen kim loại	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
8539.39	- - Loại khác:	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
	- Bóng đèn tia cực tím hoặc bóng đèn tia hồng ngoại; bóng đèn hồ quang:	
8539.41	- - Bóng đèn hồ quang	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
8539.49	- - Loại khác	CTH
	- Nguồn sáng đi-ốt phát quang (LED):	
8539.51	- - Mô-đun đi-ốt phát quang (LED)	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
8539.52	- - Bóng đèn đi-ốt phát quang (LED):	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
8539.90	- Bộ phận:	CTH
85.40	Đèn điện tử và ống điện tử dùng nhiệt điện tử, ca-tốt lạnh hoặc ca-tốt quang điện (ví dụ, đèn điện tử và ống đèn chân không hoặc nạp khí hoặc hơi, đèn và ống điện tử chỉnh lưu hồ quang thủy ngân, ống điện tử dùng tia ca-tốt, ống điện tử camera truyền hình).	
	- Ống đèn hình vô tuyến dùng tia ca-tốt, kể cả ống đèn hình của màn hình video dùng tia ca-tốt:	
8540.11	- - Loại màu	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
8540.12	- - Loại đơn sắc	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
8540.20	- Ống camera truyền hình; bộ chuyển đổi hình ảnh và bộ tăng cường hình ảnh; ống đèn ca-tốt quang điện khác	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
8540.40	- Ống hiển thị dữ liệu/đồ họa, đơn sắc; ống hiển thị/đồ họa, loại màu, với điểm lân quang có bước nhỏ hơn 0,4 mm:	CTH hoặc CTSH+VAC 50%

Mã số hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ
8540.60	- Ống tia ca-tốt khác	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
	- Ống đèn vi sóng (ví dụ, magnetrons, klystrons, ống đèn sóng lan truyền, carcinotrons), trừ ống đèn điều khiển lưới:	
8540.71	- - Magnetrons	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
8540.79	- - Loại khác	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
	- Đèn điện tử và ống điện tử khác:	
8540.81	- - Đèn điện tử và ống điện tử của máy thu hoặc máy khuếch đại	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
8540.89	- - Loại khác	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
	- Bộ phận:	
8540.91	- - Cửa ống đèn tia ca-tốt	CTH
8540.99	- - Loại khác	CTH
85.41	Thiết bị bán dẫn (ví dụ, đi-ốt, bóng bán dẫn (tranzito), bộ chuyển đổi dựa trên chất bán dẫn); thiết bị bán dẫn cảm quang, kể cả tế bào quang điện đã hoặc chưa lắp ráp thành các mảng mô-đun hoặc thành bảng; đi-ốt phát quang (LED), đã hoặc chưa lắp ráp với đi-ốt phát quang (LED) khác; tinh thể áp điện đã lắp ráp.	
8541.10	- Đi-ốt, trừ đi-ốt cảm quang hoặc đi-ốt phát quang (LED)	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
	- Tranzito, trừ tranzito cảm quang:	
8541.21	- - Có tỷ lệ tiêu tán năng lượng dưới 1 W	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
8541.29	- - Loại khác	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
8541.30	- Thyristors, diacs và triacs, trừ thiết bị cảm quang	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
	- Thiết bị bán dẫn cảm quang, kể cả tế bào quang điện đã hoặc chưa lắp ráp thành các mảng mô-đun hoặc thành bảng; đi-ốt phát quang (LED):	
8541.41	- - Đi-ốt phát quang (LED)	CTH hoặc CTSH+VAC 50%

Mã số hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ
8541.42	- - Tế bào quang điện chưa lắp ráp thành các mảng mô-đun hoặc thành bảng	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
8541.43	- - Tế bào quang điện đã lắp ráp thành các mảng mô-đun hoặc thành bảng	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
8541.49	- - Loại khác	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
	- Thiết bị bán dẫn khác:	
8541.51	- - Thiết bị chuyển đổi dựa trên chất bán dẫn	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
8541.59	- - Loại khác	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
8541.60	- Tinh thể áp điện đã lắp ráp	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
8541.90	- Bộ phận	CTH
85.42	Mạch điện tử tích hợp.	
	- Mạch điện tử tích hợp:	
8542.31	- - Đơn vị xử lý và đơn vị điều khiển, có hoặc không kết hợp với bộ nhớ, bộ chuyển đổi, mạch logic, khuếch đại, đồng hồ thời gian và mạch định giờ, hoặc các mạch khác	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
8542.32	- - Bộ nhớ	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
8542.33	- - Mạch khuếch đại	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
8542.39	- - Loại khác	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
8542.90	- Bộ phận	CTH
85.43	Máy và thiết bị điện, có chức năng riêng, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác trong Chương này.	
8543.10	- Máy gia tốc hạt	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
8543.20	- Máy phát tín hiệu	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
8543.30	- Máy và thiết bị dùng trong mạ điện, điện phân hoặc điện di:	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
8543.40	- Thiết bị điện tử dùng cho thuốc lá điện tử và các thiết bị điện hóa hơi cá nhân tương tự	CTH hoặc CTSH+VAC 50%

Mã số hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ
8543.70	- Máy và thiết bị khác:	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
8543.90	- Bộ phận:	CTH
85.44	Dây điện, cáp điện (kể cả cáp đồng trục) có cách điện (kể cả loại đã tráng men cách điện hoặc mạ lớp cách điện) và các vật dẫn (*) có cách điện khác, đã hoặc chưa gắn với đầu nối; cáp sợi quang, làm bằng các bó sợi đơn có vỏ bọc riêng biệt từng sợi, có hoặc không gắn với dây dẫn điện hoặc gắn với đầu nối.	
	- Dây đơn dạng cuộn:	
8544.11	- - Bằng đồng:	CTH + VAC 50%
8544.19	- - Loại khác	CTH + VAC 50%
8544.20	- Cáp đồng trục và các dây dẫn điện đồng trục khác:	CTH + VAC 40%
8544.30	- Bộ dây đánh lửa và bộ dây khác loại sử dụng cho xe, phương tiện bay hoặc tàu thuyền:	CTH + VAC 40%
	- Các vật dẫn điện khác(*), dùng cho điện áp không quá 1.000 V:	
8544.42	- - Đã lắp với đầu nối điện:	CTH + VAC 40%
8544.49	- - Loại khác:	CTH + VAC 40%
8544.60	- Các vật dẫn điện khác(*), dùng cho điện áp trên 1000 V:	CTH + VAC 50%
8544.70	- Cáp sợi quang:	CTH + VAC 50%
85.45	Điện cực than, chổi than, carbon cho chế tạo bóng đèn, carbon cho chế tạo pin, ắc qui và các sản phẩm khác làm bằng graphit hoặc carbon khác, có hoặc không có thành phần kim loại, dùng cho kỹ thuật điện.	
	- Điện cực:	
8545.11	- - Dùng cho lò nung, luyện	CTH
8545.19	- - Loại khác	CTH
8545.20	- Chổi than	CTH
8545.90	- Loại khác	CTH
85.46	Vật cách điện làm bằng vật liệu bất kỳ.	
8546.10	- Bằng thủy tinh	CTH
8546.20	- Bằng gốm, sứ:	CTH
8546.90	- Loại khác	CTH

Mã số hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ
85.47	Phụ kiện cách điện dùng cho máy điện, dụng cụ điện hoặc thiết bị điện, được làm hoàn toàn bằng vật liệu cách điện trừ một số phụ kiện thứ yếu bằng kim loại (ví dụ, phần ống có ren) đã làm sẵn khi đúc chủ yếu để lắp, trừ cách điện thuộc nhóm 85.46; ống dẫn dây điện và các khớp nối của chúng, bằng kim loại cơ bản được lót lớp vật liệu cách điện.	
8547.10	- Phụ kiện cách điện bằng gốm, sứ	CTH
8547.20	- Phụ kiện cách điện bằng plastic	CTH
8547.90	- Loại khác:	CTH
8548.00	Các bộ phận điện của máy móc hoặc thiết bị, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác trong Chương này.	CTH hoặc VAC 50%
85.49	Phế liệu và phế thải điện và điện tử.	
	- Phế liệu và phế thải của các loại pin, bộ pin và ắc qui điện; các loại pin, bộ pin và ắc qui điện đã sử dụng hết:	
8549.11	- - Phế liệu và phế thải của ắc qui axit chì; ắc qui axit chì đã sử dụng hết:	WO
8549.12	- - Loại khác, có chứa chì, cadimi hoặc thủy ngân:	WO
8549.13	- - Được phân loại theo loại hóa chất và không chứa chì, cadimi hoặc thủy ngân:	WO
8549.14	- - Chưa được phân loại và không chứa chì, cadimi hoặc thủy ngân:	WO
8549.19	- - Loại khác:	WO
	- Loại được sử dụng chủ yếu để thu hồi kim loại quý:	
8549.21	- - Chứa pin, bộ pin, ắc qui điện, công tắc thủy ngân, thủy tinh từ ống tia ca-tốt hoặc thủy tinh hoạt hóa khác, hoặc các thành phần điện hoặc điện tử có chứa cadimi, thủy ngân, chì hoặc polychlorinated biphenyls (PCB)	WO
8549.29	- - Loại khác	WO
	- Các cụm điện và điện tử đã lắp ráp và tấm mạch in khác:	
8549.31	- - Chứa pin, bộ pin, ắc qui điện, công tắc thủy ngân, thủy tinh từ ống tia ca-tốt hoặc thủy tinh hoạt hóa khác, hoặc các thành phần điện hoặc điện tử có chứa cadmium, thủy ngân, chì hoặc polychlorinated biphenyls (PCB)	WO
8549.39	- - Loại khác	WO
	- Loại khác:	

Mã số hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ
8549.91	- - Chứa pin, bộ pin, ắc qui điện, công tắc thủy ngân, thủy tinh từ ống tia ca-tốt hoặc thủy tinh hoạt hóa khác, hoặc các thành phần điện hoặc điện tử có chứa cadmium, thủy ngân, chì hoặc polychlorinated biphenyls (PCB):	WO
8549.99	- - Loại khác	WO
	Chương 86 - Đầu máy, các phương tiện di chuyển trên đường sắt hoặc đường tàu điện và các bộ phận của chúng; các bộ phận cố định và ghép nối đường ray xe lửa hoặc tàu điện và bộ phận của chúng; thiết bị tín hiệu giao thông bằng cơ khí (kể cả cơ điện) các loại	
86.01	Đầu máy di chuyển trên đường ray chạy bằng nguồn điện bên ngoài hoặc bằng ắc qui điện.	
8601.10	- Loại chạy bằng nguồn điện bên ngoài	CTH, ngoại trừ từ 86.07, hoặc CTH+VAC 50%
8601.20	- Loại chạy bằng ắc qui điện	CTH, ngoại trừ từ 86.07, hoặc CTH+VAC 50%
86.02	Đầu máy di chuyển trên đường ray khác; toa tiếp liệu đầu máy.	
8602.10	- Đầu máy diesel truyền động điện ⁽¹⁾	CTH, ngoại trừ từ 86.07, hoặc CTH+VAC 50%
8602.90	- Loại khác	CTH, ngoại trừ từ 86.07, hoặc CTH+VAC 50%
86.03	Toa xe khách, toa xe hàng và toa xe hành lý, loại tự hành dùng trên đường sắt hoặc đường tàu điện, trừ loại thuộc nhóm 86.04.	
8603.10	- Loại chạy bằng nguồn điện bên ngoài	CTH, ngoại trừ từ 86.07, hoặc CTH+VAC 50%
8603.90	- Loại khác	CTH, ngoại trừ từ 86.07, hoặc CTH+VAC 50%
8604.00	Xe bảo dưỡng hoặc phục vụ dùng trong đường sắt hoặc đường tàu điện, loại tự hành hoặc không (ví dụ, toa xưởng, xe gắn cần cẩu, máy chèn đường, máy đặt ray, toa xe thử nghiệm ⁽¹⁾ và xe kiểm tra đường ray).	CTH, ngoại trừ từ 86.07, hoặc CTH+VAC 50%

Mã số hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ
8605.00	Toa xe chở khách ⁽¹⁾ không tự hành dùng cho đường sắt hoặc đường tàu điện; toa xe hành lý ⁽¹⁾, toa xe bưu vụ ⁽¹⁾ và toa xe chuyên dùng khác cho đường sắt hoặc đường tàu điện, không tự hành (trừ các loại thuộc nhóm 86.04).	CTH, ngoại trừ từ 86.07, hoặc CTH+VAC 50%
86.06	Toa xe hàng và toa goòng dùng trên đường sắt hoặc đường tàu điện, không tự hành.	
8606.10	- Toa xe xi téc và các loại toa tương tự	CTH, ngoại trừ từ 86.07, hoặc CTH+VAC 50%
8606.30	- Toa chở hàng và toa goòng tự dỡ tải, trừ các loại thuộc phân nhóm 8606.10	CTH, ngoại trừ từ 86.07, hoặc CTH+VAC 50%
	- Loại khác:	
8606.91	- - Loại có nắp đậy và đóng kín	CTH, ngoại trừ từ 86.07, hoặc CTH+VAC 50%
8606.92	- - Loại mở, với các thành bên không thể tháo rời có chiều cao trên 60 cm	CTH, ngoại trừ từ 86.07, hoặc CTH+VAC 50%
8606.99	- - Loại khác	CTH, ngoại trừ từ 86.07, hoặc CTH+VAC 50%
86.07	Các bộ phận của đầu máy hoặc của phương tiện di chuyển trên đường sắt hoặc đường tàu điện.	
	- Giá chuyển hướng, trục bitxen, trục và bánh xe, và các bộ phận của chúng:	
8607.11	- - Giá chuyển hướng và trục bitxen của đầu máy	CTH
8607.12	- - Giá chuyển hướng và trục bitxen khác	CTH
8607.19	- - Loại khác, kể cả các bộ phận	CTH
	- Hãm ⁽¹⁾ và các phụ tùng hãm ⁽¹⁾ :	
8607.21	- - Hãm gió ép ⁽¹⁾ và phụ tùng hãm gió ép ⁽¹⁾	CTH
8607.29	- - Loại khác	CTH
8607.30	- Móc nối và các dụng cụ ghép nối khác, bộ đệm giảm chấn (bộ đỡ đệm), và phụ tùng của chúng	CTH
	- Loại khác:	
8607.91	- - Cửa đầu máy	CTH
8607.99	- - Loại khác	CTH

Mã số hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ
8608.00	Bộ phận cố định và ghép nối của đường ray đường sắt hoặc tàu điện; các thiết bị phát tín hiệu, an toàn hoặc điều khiển giao thông bằng cơ khí (kể cả cơ điện) dùng cho đường sắt, đường tàu điện, đường bộ, đường thủy nội địa, điểm dừng đỗ, cảng hoặc sân bay; các bộ phận của các loại trên.	CTH
8609.00	Công-ten-nơ (kể cả công-ten-nơ dùng vận chuyển chất lỏng) được thiết kế và trang bị đặc biệt để vận chuyển theo một hoặc nhiều phương thức.	CTH
	Chương 87 - Xe trừ phương tiện chạy trên đường sắt hoặc đường tàu điện, và các bộ phận và phụ kiện của chúng	
87.01	Xe kéo (trừ xe kéo thuộc nhóm 87.09).	
8701.10	- Máy kéo trục đơn:	VAC 50%
	- Ô tô đầu kéo dùng để kéo sơ mi rơ moóc ⁽¹⁾ :	
8701.21	- - Loại chỉ sử dụng động cơ đốt trong kiểu piston cháy do nén (diesel hoặc bán diesel):	VAC 50%
8701.22	- - Loại kết hợp động cơ đốt trong kiểu piston cháy do nén (diesel hoặc bán diesel) và động cơ điện để tạo động lực:	VAC 50%
8701.23	- - Loại kết hợp động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện và động cơ điện để tạo động lực:	VAC 50%
8701.24	- - Loại chỉ sử dụng động cơ điện để tạo động lực:	VAC 50%
8701.29	- - Loại khác:	VAC 50%
8701.30	- Xe kéo bánh xích	VAC 50%
	- Loại khác, có công suất máy:	
8701.91	- - Không quá 18 kW:	VAC 50%
8701.92	- - Trên 18 kW nhưng không quá 37 kW:	VAC 50%
8701.93	- - Trên 37 kW nhưng không quá 75 kW:	VAC 50%
8701.94	- - Trên 75 kW nhưng không quá 130 kW:	VAC 50%
8701.95	- - Trên 130 kW:	VAC 50%

Mã số hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ
87.02	Xe có động cơ chở 10 người trở lên, kể cả lái xe.	VAC 50% với điều kiện các công đoạn, quy trình sản xuất sau đây phải được thực hiện: - Hàn thân (cab) hoặc sản xuất thân (cab) trong bất kỳ cách nào khác trong trường hợp sử dụng công nghệ không liên quan đến các hoạt động hàn trong sản xuất thân (cab); - Sơn thân (cab); - Lắp động cơ (đối với xe cơ giới có động cơ đốt trong và động cơ lai); - Lắp động cơ điện kéo (máy phát điện, động cơ điện) (cho xe có động cơ chạy bằng điện hoặc động cơ lai); - Lắp đặt hộp số; - Lắp hệ thống treo

Mã số hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ
87.03	Ô tô và các loại xe khác có động cơ được thiết kế chủ yếu để chở người (trừ các loại thuộc nhóm 87.02), kể cả ô tô chở người có khoang hành lý chung (station wagons) và ô tô đua.	phía sau và phía trước (đối với xe có động cơ chạy bằng điện hoặc động cơ lai và xe có động cơ đốt trong đốt cháy bằng tia lửa điện); - Lắp tay lái và hệ thống phanh; - Lắp đặt các bộ phận ống dẫn xả và tiêu âm (cho xe có động cơ đốt trong đánh lửa bằng tia lửa điện); - Chẩn đoán và hiệu chỉnh động cơ; - Kiểm tra hệ thống phanh; - Kiểm tra mức độ nhiễu sóng radio và tiêu chuẩn tương thích điện từ (cho xe có động cơ chạy bằng điện hoặc động cơ lai); - Kiểm tra thử nghiệm xe cơ giới đã lắp ráp hoàn chỉnh.
87.04	Xe có động cơ dùng để chở hàng.	

Mã số hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ
87.05	Xe chuyên dùng có động cơ, trừ các loại được thiết kế chủ yếu dùng để chở người hoặc hàng hóa (ví dụ, xe cứu hộ, xe cần cẩu, xe chữa cháy, xe trộn bê tông, xe quét đường, xe phun tưới, xe sửa chữa lưu động, xe chụp X-quang).	
8705.10	- Xe cần cẩu	VAC 50%
8705.20	- Xe cần trục khoan	VAC 50%
8705.30	- Xe chữa cháy	VAC 50%
8705.40	- Xe trộn bê tông	VAC 50%
8705.90	- Loại khác:	VAC 50%
8706.00	Khung gầm đã lắp động cơ, dùng cho xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05.	VAC 50%
87.07	Thân xe (kể cả ca-bin), dùng cho xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05.	
8707.10	- Dùng cho xe thuộc nhóm 87.03:	VAC 50%
8707.90	- Loại khác:	VAC 50%
87.08	Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05.	
8708.10	- Thanh chắn chống va đập (ba đờ xôc) và bộ phận của nó:	VAC 50%
	- Bộ phận và phụ kiện khác của thân xe (kể cả ca-bin):	
8708.21	- - Dây đai an toàn	VAC 50%
8708.22	- - Kính chắn gió phía trước (kính chắn gió), kính cửa phía sau và các kính cửa khác được mô tả tại Chú giải Phân nhóm 1 Chương này:	VAC 45%
8708.29	- - Loại khác:	VAC 45%
8708.30	- Phanh và trợ lực phanh; bộ phận của nó:	VAC 50%
8708.40	- Hộp số và bộ phận của chúng:	VAC 45%
8708.50	- Cầu chủ động có vi sai, có hoặc không kèm theo chi tiết truyền lực khác, và các cầu bị động; các bộ phận của chúng:	VAC 50%
8708.70	- Cụm bánh xe và bộ phận và phụ kiện của chúng:	VAC 50%
8708.80	- Hệ thống giảm chấn và bộ phận của nó (kể cả giảm sóc):	VAC 50%
	- Các bộ phận và phụ kiện khác:	
8708.91	- - Kết nước làm mát và bộ phận của chúng:	VAC 50%
8708.92	- - Ống xả và bộ giảm thanh; bộ phận của chúng:	VAC 50%
8708.93	- - Bộ ly hợp và các bộ phận của nó:	VAC 50%

Mã số hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ
8708.94	- - Vô lăng, trụ lái và cơ cấu lái; bộ phận của chúng:	VAC 45%
8708.95	- - Túi khí an toàn lắp với hệ thống bơm phồng; bộ phận của nó:	VAC 45%
8708.99	- - Loại khác:	VAC 45%
87.09	Xe vận chuyển, loại tự hành, không lắp kèm thiết bị nâng hạ hoặc cặp giữ, thuộc loại dùng trong nhà máy, kho hàng, bến cảng hoặc sân bay để vận chuyển hàng hóa trong phạm vi hẹp; xe kéo loại sử dụng trong sân ga, ke ga đường sắt (*); bộ phận của các loại xe kể trên.	
	- Xe:	
8709.11	- - Loại chạy điện	VAC 50%
8709.19	- - Loại khác	VAC 50%
8709.90	- Các bộ phận	VAC 50%
8710.00	Xe tăng và các loại xe chiến đấu bọc thép khác, loại cơ giới, có hoặc không lắp kèm vũ khí, và bộ phận của các loại xe này.	VAC 50%
87.11	Mô tô (kể cả xe gắn máy có bàn đạp (moped)) và xe đạp có gắn động cơ phụ trợ, có hoặc không có thùng xe bên cạnh; thùng xe có bánh (side-cars).	
8711.10	- Loại sử dụng động cơ đốt trong kiểu piston dung tích xi lanh không quá 50 cc:	CTH hoặc VAC 40%
8711.20	- Loại sử dụng động cơ đốt trong kiểu piston dung tích xi lanh trên 50 cc nhưng không quá 250 cc:	CTH hoặc VAC 40%
8711.30	- Loại sử dụng động cơ đốt trong kiểu piston dung tích xi lanh trên 250 cc nhưng không quá 500 cc:	CTH hoặc VAC 40%
8711.40	- Loại sử dụng động cơ đốt trong kiểu piston dung tích xi lanh trên 500 cc nhưng không quá 800 cc:	CTH hoặc VAC 40%
8711.50	- Loại sử dụng động cơ đốt trong kiểu piston dung tích xi lanh trên 800 cc:	CTH hoặc VAC 40%
8711.60	- Loại dùng động cơ điện để tạo động lực:	CTH hoặc VAC 40%
8711.90	- Loại khác:	CTH hoặc VAC 40%
8712.00	Xe đạp hai bánh và xe đạp khác (kể cả xe xích lô ba bánh chở hàng), không lắp động cơ.	CTH, ngoại trừ từ 87.14
87.13	Các loại xe dành cho người tàn tật, có hoặc không lắp động cơ hoặc cơ cấu đẩy cơ khí khác.	
8713.10	- Loại không có cơ cấu đẩy cơ khí	CTH hoặc VAC 40%
8713.90	- Loại khác	CTH hoặc VAC 40%
87.14	Bộ phận và phụ kiện của xe thuộc các nhóm từ 87.11 đến 87.13.	

Mã số hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ
8714.10	- Cửa mô tô (kể cả xe gắn máy có bàn đạp (moped)):	CTH hoặc VAC 40%
8714.20	- Cửa xe dành cho người tàn tật:	CTH hoặc VAC 40%
	- Loại khác:	
8714.91	- - Khung xe và cang xe, và các bộ phận của chúng:	CTH hoặc VAC 40%
8714.92	- - Vành bánh xe và nan hoa:	CTH hoặc VAC 40%
8714.93	- - Moay ơ, trừ moay ơ kèm phanh (coaster braking hub) và phanh moay ơ, và lốp xe:	CTH hoặc VAC 40%
8714.94	- - Phanh, kể cả moay ơ kèm phanh (coaster braking hub) và phanh moay ơ, và các bộ phận của chúng:	CTH hoặc VAC 40%
8714.95	- - Yên xe:	CTH hoặc VAC 40%
8714.96	- - Pê đan và đuôi đĩa, và bộ phận của chúng:	CTH hoặc VAC 40%
8714.99	- - Loại khác:	CTH hoặc VAC 40%
8715.00	Xe đẩy trẻ em và bộ phận của chúng.	CTH hoặc VAC 40%
87.16	Rơ-moóc và sơ mi rơ-moóc; xe khác, không có cơ cấu đẩy cơ khí; các bộ phận của chúng.	
8716.10	- Rơ-moóc và sơ mi rơ-moóc loại nhà lưu động, dùng làm nhà ở hoặc cắm trại	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
8716.20	- Rơ-moóc và sơ mi rơ-moóc loại tự bốc hoặc dỡ hàng dùng trong nông nghiệp	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
	- Rơ-moóc và sơ mi rơ-moóc khác dùng để vận chuyển hàng hóa:	
8716.31	- - Rơ-moóc và sơ mi rơ-moóc gắn xi téc	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
8716.39	- - Loại khác:	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
8716.40	- Rơ-moóc và sơ mi rơ-moóc khác	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
8716.80	- Xe khác:	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
8716.90	- Bộ phận:	CTH
	Chương 88 - Phương tiện bay, tàu vũ trụ, và các bộ phận của chúng	
8801.00	Khí cầu và khinh khí cầu điều khiển được; tàu lượn, tàu lượn treo và các phương tiện bay khác không dùng động cơ.	CTH

Mã số hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ
88.02	Phương tiện bay khác (ví dụ, trực thăng, máy bay); trù phương tiện bay không người lái thuộc nhóm 88.06; tàu vũ trụ (kể cả vệ tinh) và tàu bay trong quỹ đạo và phương tiện đẩy để phóng tàu vũ trụ.	
	- Trực thăng:	
8802.11	- - Trọng lượng không tải không quá 2.000 kg	CC
8802.12	- - Trọng lượng không tải trên 2.000 kg	CC
8802.20	- Máy bay và phương tiện bay khác, có trọng lượng không tải không quá 2.000 kg:	CTH
8802.30	- Máy bay và phương tiện bay khác, có trọng lượng không tải trên 2.000 kg nhưng không quá 15.000 kg:	CTH
8802.40	- Máy bay và phương tiện bay khác, có trọng lượng không tải trên 15.000kg:	CTH
8802.60	- Tàu vũ trụ (kể cả vệ tinh) và tàu bay trong quỹ đạo và phương tiện đẩy để phóng tàu vũ trụ	CTH
8804.00	Dù (kể cả dù điều khiển được và dù lượn) và dù xoay; các bộ phận và phụ kiện của chúng.	CTH hoặc VAC 50%
88.05	Thiết bị phóng dùng cho phương tiện bay; dàn hãm tốc độ dùng cho tàu sân bay hoặc thiết bị tương tự; thiết bị huấn luyện bay mặt đất; các bộ phận của các thiết bị trên.	
8805.10	- Thiết bị phóng dùng cho phương tiện bay và các bộ phận của chúng; dàn hãm tốc độ dùng cho tàu sân bay hoặc thiết bị tương tự và các bộ phận của chúng	CTH
	- Thiết bị huấn luyện bay mặt đất và các bộ phận của chúng:	
8805.21	- - Thiết bị mô phỏng tập trận trên không và các bộ phận của chúng	CTH
8805.29	- - Loại khác:	CTH
88.06	Phương tiện bay không người lái.	
8806.10	- Được thiết kế để vận chuyển hành khách	CTH
	- Loại khác, chỉ sử dụng cho chuyến bay được điều khiển từ xa:	
8806.21	- - Trọng lượng cất cánh tối đa không quá 250 g	CTH
8806.22	- - Trọng lượng cất cánh tối đa trên 250 g nhưng không quá 7 kg	CTH
8806.23	- - Trọng lượng cất cánh tối đa trên 7 kg nhưng không quá 25 kg	CTH
8806.24	- - Trọng lượng cất cánh tối đa trên 25 kg nhưng không quá 150 kg	CTH

Mã số hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ
8806.29	- - Loại khác	CTH
	- Loại khác:	
8806.91	- - Trọng lượng cất cánh tối đa không quá 250 g	CTH
8806.92	- - Trọng lượng cất cánh tối đa trên 250 g nhưng không quá 7 kg	CTH
8806.93	- - Trọng lượng cất cánh tối đa trên 7 kg nhưng không quá 25 kg	CTH
8806.94	- - Trọng lượng cất cánh tối đa trên 25 kg nhưng không quá 150 kg	CTH
8806.99	- - Loại khác	CTH
88.07	Các bộ phận của các mặt hàng thuộc nhóm 88.01, 88.02 hoặc 88.06.	
8807.10	- Cánh quạt và rôto và các bộ phận của chúng	CTH
8807.20	- Bộ càng- bánh và các bộ phận của chúng	CTH
8807.30	- Các bộ phận khác của máy bay, trực thăng hoặc phương tiện bay không người lái	CTH
8807.90	- Loại khác	CTH
	Chương 89 - Tàu thủy, thuyền và các kết cấu nổi	
89.01	Tàu thủy chở khách, thuyền, xuồng du lịch, phà, tàu thủy chở hàng, xà lan và các tàu thuyền tương tự để vận chuyển người hoặc hàng hóa.	
8901.10	- Tàu thủy chở khách, thuyền, xuồng du lịch và các tàu thuyền tương tự được thiết kế chủ yếu để vận chuyển người; phà các loại:	CTH, ngoại trừ thân tàu thuộc nhóm 89.06
8901.20	- Tàu chở chất lỏng hoặc khí hoá lỏng:	CTH, ngoại trừ thân tàu thuộc nhóm 89.06
8901.30	- Tàu thuyền đông lạnh, trừ loại thuộc phân nhóm 8901.20:	CTH, ngoại trừ thân tàu thuộc nhóm 89.06
8901.90	- Tàu thuyền khác để vận chuyển hàng hóa và tàu thuyền khác để vận chuyển cả người và hàng hóa:	CTH, ngoại trừ thân tàu thuộc nhóm 89.06
8902.00	Tàu thuyền đánh bắt thủy sản; tàu chế biến và các loại tàu khác dùng cho chế biến hoặc bảo quản thủy sản đánh bắt.	CTH, ngoại trừ thân tàu thuộc nhóm 89.06
89.03	Du thuyền hạng nhẹ và các loại tàu thuyền khác phục vụ nghỉ ngơi, giải trí hoặc thể thao; thuyền dùng mái chèo và canô.	
	- Thuyền, xuồng có thể bơm hơi (bao gồm cả thuyền, xuồng thân cứng có thể bơm hơi):	

Mã số hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ
8903.11	- - Được trang bị hoặc thiết kế để lắp với động cơ, trọng lượng không tải (tĩnh) (không bao gồm động cơ) không quá 100 kg	CTH, ngoại trừ thân tàu thuộc nhóm 89.06
8903.12	- - Không được thiết kế để sử dụng với động cơ và trọng lượng không tải (tĩnh) không quá 100 kg	CTH, ngoại trừ thân tàu thuộc nhóm 89.06
8903.19	- - Loại khác	CTH, ngoại trừ thân tàu thuộc nhóm 89.06
	- Thuyền buồm, trừ loại có thể bơm hơi, có hoặc không có động cơ phụ trợ:	
8903.21	- - Có chiều dài không quá 7,5 m	CTH, ngoại trừ thân tàu thuộc nhóm 89.06
8903.22	- - Có chiều dài trên 7,5 m nhưng không quá 24 m	CTH, ngoại trừ thân tàu thuộc nhóm 89.06
8903.23	- - Có chiều dài trên 24 m	CTH, ngoại trừ thân tàu thuộc nhóm 89.06
	- Thuyền máy, trừ loại có thể bơm hơi, không bao gồm thuyền máy có gắn máy bên ngoài:	
8903.31	- - Có chiều dài không quá 7,5 m	CTH, ngoại trừ thân tàu thuộc nhóm 89.06
8903.32	- - Có chiều dài trên 7,5 m nhưng không quá 24 m	CTH, ngoại trừ thân tàu thuộc nhóm 89.06
8903.33	- - Có chiều dài trên 24 m	CTH, ngoại trừ thân tàu thuộc nhóm 89.06
	- Loại khác:	
8903.93	- - Có chiều dài không quá 7,5 m	CTH, ngoại trừ thân tàu thuộc nhóm 89.06
8903.99	- - Loại khác	CTH, ngoại trừ thân tàu thuộc nhóm 89.06
8904.00	Tàu kéo và tàu đẩy.	CTH, ngoại trừ thân tàu thuộc nhóm 89.06
89.05	Tàu đèn hiệu, tàu cứu hỏa, tàu hút nạo vét (tàu cuốc), cần cẩu nổi và tàu thuyền khác mà tính năng di động trên mặt nước chỉ nhằm bổ sung cho chức năng chính của các tàu thuyền này; ụ nổi sửa chữa tàu; dàn khoan hoặc dàn sản xuất nổi hoặc nửa nổi nửa chìm.	
8905.10	- Tàu hút nạo vét (tàu cuốc)	CTH, ngoại trừ thân tàu thuộc nhóm 89.06
8905.20	- Dàn khoan hoặc dàn sản xuất nổi hoặc nửa nổi nửa chìm	CTH, ngoại trừ thân tàu thuộc nhóm 89.06

Mã số hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ
8905.90	- Loại khác:	CTH, ngoại trừ thân tàu thuộc nhóm 89.06
89.06	Tàu thuyền khác, kể cả tàu chiến và xuồng cứu sinh trừ thuyền dùng mái chèo.	
8906.10	- Tàu chiến	CTH
8906.90	- Loại khác:	CTH
89.07	Kết cấu nổi khác (ví dụ, bè mảng, thùng chứa chất lỏng, ketxon giồng kín (coffer-dams), cầu lên bờ, các loại phao nổi và mốc hiệu).	
8907.10	- Bè mảng có thể bơm hơi	CTH
8907.90	- Loại khác:	CTH
8908.00	Tàu thuyền và kết cấu nổi khác để phá dỡ.	CTH
	Chương 90 - Dụng cụ và thiết bị quang học, nhiếp ảnh, điện ảnh, đo lường, kiểm tra, chính xác, y tế hoặc phẫu thuật; các bộ phận và phụ kiện của chúng	
90.01	Sợi quang và bó sợi quang; cáp sợi quang trừ các loại thuộc nhóm 85.44; vật liệu phân cực dạng tấm và lá; thấu kính (kể cả thấu kính áp tròng), lăng kính, gương và các bộ phận quang học khác, bằng vật liệu bất kỳ, chưa lắp ráp, trừ loại bằng thủy tinh chưa gia công về mặt quang học.	
9001.10	- Sợi quang, bó sợi quang và cáp sợi quang:	CTH
9001.20	- Vật liệu phân cực dạng tấm và lá	CTH
9001.30	- Thấu kính áp tròng	CTH
9001.40	- Thấu kính thủy tinh làm kính đeo mắt	CTH
9001.50	- Thấu kính bằng vật liệu khác làm kính đeo mắt	CTH
9001.90	- Loại khác:	CTH
90.02	Thấu kính, lăng kính, gương và các bộ phận quang học khác, bằng vật liệu bất kỳ, đã lắp ráp, là các bộ phận hoặc phụ kiện để lắp ráp cho các dụng cụ hoặc thiết bị, trừ loại làm bằng thủy tinh chưa được gia công quang học.	
	- Vật kính:	
9002.11	- - Dùng cho camera, máy chiếu hoặc máy phóng to hoặc máy thu nhỏ ảnh	CTH
9002.19	- - Loại khác	CTH
9002.20	- Kính lọc ánh sáng:	CTH
9002.90	- Loại khác:	CTH

Mã số hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ
90.03	Khung và gọng cho kính đeo, kính bảo hộ hoặc các loại tương tự, và các bộ phận của chúng.	
	- Khung và gọng:	
9003.11	- - Bằng plastic	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
9003.19	- - Bằng vật liệu khác	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
9003.90	- Các bộ phận	CTH
90.04	Kính đeo, kính bảo hộ và các loại tương tự, kính thuốc, kính bảo vệ mắt hoặc loại khác.	
9004.10	- Kính râm	CTH
9004.90	- Loại khác:	CTH
90.05	Ống nhòm loại hai mắt, ống nhòm đơn, kính viễn vọng quang học khác, và khung giá của các loại trên; các dụng cụ thiên văn khác và khung giá của chúng, trừ các dụng cụ dùng cho thiên văn học vô tuyến.	
9005.10	- Ống nhòm loại hai mắt	CTH
9005.80	- Dụng cụ khác:	CTH
9005.90	- Bộ phận và phụ kiện (kể cả khung giá):	CTH
90.06	Máy ảnh (trừ máy quay phim); thiết bị đèn chớp và đèn flash máy ảnh trừ đèn phóng điện thuộc nhóm 85.39.	
9006.30	- Máy ảnh được thiết kế đặc biệt để dùng dưới nước, để thám không (aerial survey) hoặc dùng trong y tế hoặc trong phẫu thuật nội tạng; máy ảnh đối chiếu dùng cho ngành pháp y hoặc khoa học hình sự	CTH hoặc CTSH+VAC 40%
9006.40	- Máy chụp lấy ảnh ngay	CTH hoặc CTSH+VAC 40%
	- Máy ảnh loại khác:	
9006.53	- - Sử dụng phim cuộn khổ rộng 35 mm:	CTH hoặc CTSH+VAC 40%
9006.59	- - Loại khác:	CTH hoặc CTSH+VAC 40%
	- Thiết bị đèn chớp và đèn flash máy ảnh:	
9006.61	- - Thiết bị đèn flash loại dùng đèn phóng điện ("điện tử")	CTH hoặc CTSH+VAC 40%
9006.69	- - Loại khác	CTH hoặc CTSH+VAC 40%

Mã số hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ
	- Bộ phận và phụ kiện:	
9006.91	- - Sử dụng cho máy ảnh:	CTH hoặc VAC 50%
9006.99	- - Loại khác:	CTH hoặc VAC 50%
90.07	Máy quay phim và máy chiếu phim, có hoặc không kèm thiết bị ghi hoặc tái tạo âm thanh.	
9007.10	- Máy quay phim	CTH hoặc CTSH+VAC 40%
9007.20	- Máy chiếu phim:	CTH hoặc CTSH+VAC 40%
	- Bộ phận và phụ kiện:	
9007.91	- - Dùng cho máy quay phim	CTH
9007.92	- - Dùng cho máy chiếu phim	CTH
90.08	Máy chiếu hình ảnh, trừ máy chiếu phim; máy phóng và máy thu nhỏ ảnh (trừ máy chiếu phim).	
9008.50	- Máy chiếu hình ảnh, máy phóng và máy thu nhỏ ảnh:	CTH hoặc CTSH+VAC 40%
9008.90	- Bộ phận và phụ kiện:	CTH
90.10	Máy và thiết bị dùng trong phòng làm ảnh (kể cả điện ảnh), chưa được ghi hoặc chi tiết ở nơi nào khác thuộc Chương này; máy xem âm bản; màn ảnh của máy chiếu.	
9010.10	- Máy và thiết bị sử dụng cho việc tráng tự động phim hoặc giấy ảnh (kể cả điện ảnh) dạng cuộn hoặc dùng cho việc phơi sáng tự động các phim đã tráng lên các cuộn giấy ảnh	CTH hoặc CTSH+VAC 40%
9010.50	- Máy và thiết bị khác sử dụng trong phòng làm ảnh (kể cả điện ảnh); máy xem âm bản:	CTH hoặc CTSH+VAC 40%
9010.60	- Màn ảnh của máy chiếu:	CTH hoặc CTSH+VAC 40%
9010.90	- Bộ phận và phụ kiện:	CTH
90.11	Kính hiển vi quang học phức hợp, kể cả loại để xem vi ảnh, vi phim quay hoặc vi chiếu.	
9011.10	- Kính hiển vi soi nổi	CTH hoặc CTSH+VAC 40%
9011.20	- Kính hiển vi khác để xem vi ảnh, vi phim quay hoặc vi chiếu	CTH hoặc CTSH+VAC 40%
9011.80	- Các loại kính hiển vi khác	CTH hoặc CTSH+VAC 40%
9011.90	- Bộ phận và phụ kiện	CTH

Mã số hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ
90.12	Kính hiển vi trừ kính hiển vi quang học; thiết bị nhiễu xạ.	
9012.10	- Kính hiển vi trừ kính hiển vi quang học; thiết bị nhiễu xạ	CTH hoặc CTSH+VAC 40%
9012.90	- Bộ phận và phụ kiện	CTH
90.13	Thiết bị tạo tia laser, trừ đi-ốt laser; các thiết bị và dụng cụ quang học khác, chưa được nêu hoặc chi tiết ở nơi nào khác trong Chương này.	
9013.10	- Kính ngắm để lắp vào vũ khí; kính tiềm vọng; kính viễn vọng được thiết kế là bộ phận của máy, thiết bị, dụng cụ hoặc bộ dụng cụ của Chương này hoặc Phần XVI:	CTH hoặc CTSH+VAC 40%
9013.20	- Thiết bị tạo tia laser, trừ đi-ốt laser	CTH hoặc CTSH+VAC 40%
9013.80	- Các bộ phận, thiết bị và dụng cụ khác:	CTH hoặc CTSH+VAC 40%
9013.90	- Bộ phận và phụ kiện:	CTH hoặc VAC 40%
90.14	La bàn xác định phương hướng; các thiết bị và dụng cụ dẫn đường khác.	
9014.10	- La bàn xác định phương hướng	CTH hoặc CTSH+VAC 40%
9014.20	- Thiết bị và dụng cụ dẫn đường hàng không hoặc hàng hải (trừ la bàn)	CTH hoặc CTSH+VAC 40%
9014.80	- Thiết bị và dụng cụ khác:	CTH hoặc CTSH+VAC 40%
9014.90	- Bộ phận và phụ kiện:	CTH
90.15	Thiết bị và dụng cụ dùng để quan trắc (kể cả quan trắc ảnh), dùng cho thủy văn học, hải dương học, thủy học, khí tượng học hoặc địa lý học, trừ la bàn; máy đo xa.	
9015.10	- Máy đo xa:	CTH
9015.20	- Máy kinh vĩ và tốc kế góc (máy toàn đạc - tacheometers)	CTH
9015.30	- Dụng cụ đo cân bằng (levels)	CTH
9015.40	- Thiết bị và dụng cụ quan trắc ảnh	CTH hoặc CTSH+VAC 40%
9015.80	- Thiết bị và dụng cụ khác:	CTH hoặc CTSH+VAC 40%
9015.90	- Bộ phận và phụ kiện	CTH

Mã số hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ
9016.00	Cân với độ nhạy 5cg (50mg) hoặc chính xác hơn, có hoặc không có quả cân.	CTH
90.17	Dụng cụ vẽ, vạch mức dấu hoặc dụng cụ tính toán toán học (ví dụ, máy vẽ phác, máy vẽ truyền, thước đo góc, bộ đồ vẽ, thước logarit, bàn tính dùng đĩa); dụng cụ đo chiều dài, dùng tay (ví dụ, thước thanh và thước dây, thước micromet, thước cặp), chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác trong Chương này.	
9017.10	- Bảng và máy vẽ phác, tự động hoặc không tự động:	CTH
9017.20	- Dụng cụ vẽ, vạch mức hoặc dụng cụ tính toán toán học khác:	CTH
9017.30	- Thước micromet, thước cặp và dụng cụ đo có thể điều chỉnh được	CTH
9017.80	- Các dụng cụ khác	CTH
9017.90	- Bộ phận và phụ kiện:	CTH
90.18	Thiết bị và dụng cụ dùng cho ngành y, phẫu thuật, nha khoa hoặc thú y, kể cả thiết bị ghi biểu đồ nhấp nháy, thiết bị điện y học khác và thiết bị kiểm tra thị lực.	
	- Thiết bị điện chẩn đoán (kể cả thiết bị kiểm tra thăm dò chức năng hoặc kiểm tra thông số sinh lý):	
9018.11	- - Thiết bị điện tim	CTH hoặc VAC 40%
9018.12	- - Thiết bị siêu âm	CTH hoặc VAC 40%
9018.13	- - Thiết bị chụp cộng hưởng từ	CTH hoặc VAC 40%
9018.14	- - Thiết bị ghi biểu đồ nhấp nháy	CTH hoặc VAC 40%
9018.19	- - Loại khác	CTH hoặc VAC 40%
9018.20	- Thiết bị tia cực tím hoặc tia hồng ngoại	CTH hoặc VAC 40%
	- Bơm tiêm, kim tiêm, ống thông, ống dẫn lưu và loại tương tự:	
9018.31	- - Bơm tiêm, có hoặc không có kim tiêm:	CTH hoặc VAC 40%
9018.32	- - Kim tiêm bằng kim loại và kim khâu vết thương	CTH hoặc VAC 40%
9018.39	- - Loại khác:	CTH hoặc VAC 40%
	- Các thiết bị và dụng cụ khác, dùng trong nha khoa:	
9018.41	- - Khoan dùng trong nha khoa, có hoặc không gắn liền cùng một giá đỡ với thiết bị nha khoa khác	CTH hoặc VAC 40%
9018.49	- - Loại khác	CTH hoặc VAC 40%
9018.50	- Thiết bị và dụng cụ nhãn khoa khác	CTH hoặc VAC 40%
9018.90	- Thiết bị và dụng cụ khác:	CTH hoặc VAC 40%

Mã số hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ
90.19	Thiết bị trị liệu cơ học; máy xoa bóp; máy thử nghiệm trạng thái tâm lý; máy trị liệu bằng ôzôn, bằng oxy, bằng xông, máy hô hấp nhân tạo hoặc máy hô hấp trị liệu khác.	
9019.10	- Máy trị liệu cơ học; máy xoa bóp; máy thử nghiệm trạng thái tâm lý:	CTH
9019.20	- Máy trị liệu bằng ôzôn, bằng oxy, bằng xông, máy hô hấp nhân tạo hoặc máy hô hấp trị liệu khác:	CTH
9020.00	Thiết bị thở và mặt nạ phòng khí khác, trừ các mặt nạ bảo hộ mà không có bộ phận cơ khí hoặc không có phin lọc có thể thay thế được.	CTH
90.21	Dụng cụ chỉnh hình, kể cả nạng, băng dùng trong phẫu thuật và băng cố định; nẹp và các dụng cụ cố định vết gãy khác; các bộ phận nhân tạo của cơ thể người; thiết bị trợ thính và dụng cụ khác được lắp hoặc mang theo, hoặc cấy vào cơ thể, để bù đắp khuyết tật hoặc sự suy giảm của một bộ phận cơ thể.	
9021.10	- Các dụng cụ chỉnh hình hoặc nẹp xương:	CTH hoặc VAC 40%
	- Răng giả và chi tiết gắn dùng trong nha khoa:	
9021.21	- - Răng giả	CTH hoặc VAC 40%
9021.29	- - Loại khác:	CTH hoặc VAC 40%
	- Các bộ phận nhân tạo khác của cơ thể:	
9021.31	- - Khớp giả	CTH hoặc VAC 40%
9021.39	- - Loại khác	CTH hoặc VAC 40%
9021.40	- Thiết bị trợ thính, trừ các bộ phận và phụ kiện	CTH hoặc VAC 40%
9021.50	- Thiết bị điều hoà nhịp tim dùng cho việc kích thích cơ tim, trừ các bộ phận và phụ kiện	CTH hoặc VAC 40%
9021.90	- Loại khác	CTH hoặc VAC 40%
90.22	Thiết bị sử dụng tia X hoặc tia phóng xạ alpha, beta, gamma hoặc các bức xạ ion hóa khác, có hoặc không dùng cho mục đích y học, phẫu thuật, nha khoa hoặc thú y, kể cả thiết bị chụp hoặc thiết bị điều trị bằng các tia đó, ống phát tia X và thiết bị tạo tia X khác, thiết bị tạo tia cường độ cao, bảng và bàn điều khiển, màn hình, bàn, ghế và các loại tương tự, dùng để khám hoặc điều trị.	
	- Thiết bị sử dụng tia X, có hoặc không dùng cho mục đích y học, phẫu thuật, nha khoa hoặc thú y, kể cả thiết bị chụp hoặc thiết bị điều trị bằng tia X:	

Mã số hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ
9022.12	- - Thiết bị chụp cắt lớp điều khiển bằng máy tính	CTH hoặc CTSH+VAC 40%
9022.13	- - Loại khác, sử dụng trong nha khoa	CTH hoặc CTSH+VAC 40%
9022.14	- - Loại khác, sử dụng cho mục đích y học, phẫu thuật hoặc thú y	CTH hoặc CTSH+VAC 40%
9022.19	- - Cho các mục đích khác:	CTH hoặc CTSH+VAC 40%
	- Thiết bị sử dụng tia phóng xạ alpha, beta, gamma hoặc các bức xạ ion hóa khác, có hoặc không dùng cho mục đích y học, phẫu thuật, nha khoa hoặc thú y, kể cả thiết bị chụp hoặc thiết bị điều trị bằng các tia đó:	
9022.21	- - Dùng cho mục đích y học, phẫu thuật, nha khoa hoặc thú y	CTH hoặc CTSH+VAC 40%
9022.29	- - Dùng cho các mục đích khác	CTH hoặc CTSH+VAC 40%
9022.30	- Ống phát tia X	CTH hoặc CTSH+VAC 40%
9022.90	- Loại khác, kể cả bộ phận và phụ kiện:	CTH
9023.00	Các dụng cụ, máy và mô hình, được thiết kế cho mục đích trưng bày (ví dụ, dùng trong giáo dục hoặc triển lãm), không sử dụng được cho các mục đích khác.	CTH
90.24	Máy và thiết bị thử độ cứng, độ bền, độ nén, độ đàn hồi hoặc các tính chất cơ học khác của vật liệu (ví dụ, kim loại, gỗ, hàng dệt, giấy, plastic).	
9024.10	- Máy và thiết bị thử kim loại:	CTH hoặc CTSH+VAC 40%
9024.80	- Máy và thiết bị khác:	CTH hoặc CTSH+VAC 40%
9024.90	- Bộ phận và phụ kiện	CTH
90.25	Tỷ trọng kế và các dụng cụ đo dạng nổi tương tự, nhiệt kế, hỏa kế, khí áp kế, ẩm kế, có hoặc không ghi, và tổ hợp của chúng.	
	- Nhiệt kế và hỏa kế, không kết hợp với các dụng cụ khác:	
9025.11	- - Chứa chất lỏng, để đọc trực tiếp	CTH hoặc CTSH+VAC 40%

Mã số hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ
9025.19	- - Loại khác:	CTH hoặc CTSH+VAC 40%
9025.80	- Dụng cụ khác	CTH hoặc CTSH+VAC 40%
9025.90	- Bộ phận và phụ kiện	CTH
90.26	Dụng cụ và máy đo hoặc kiểm tra lưu lượng, mức, áp suất hoặc biến số khác của chất lỏng hoặc chất khí (ví dụ, dụng cụ đo lưu lượng, dụng cụ đo mức, áp kế, nhiệt kế), trừ các dụng cụ và thiết bị thuộc nhóm 90.14, 90.15, 90.28 hoặc 90.32.	
9026.10	- Để đo hoặc kiểm tra lưu lượng hoặc mức của chất lỏng:	CTH hoặc VAC 40%
9026.20	- Để đo hoặc kiểm tra áp suất:	CTH hoặc VAC 40%
9026.80	- Thiết bị hoặc dụng cụ khác	CTH hoặc VAC 40%
9026.90	- Bộ phận và phụ kiện	CTH
90.27	Dụng cụ và thiết bị phân tích lý hoặc hóa học (ví dụ, máy đo phân cực, đo khúc xạ, quang phổ kế, máy phân tích khí hoặc khói); dụng cụ và thiết bị đo hoặc kiểm tra độ nhớt, độ xốp, độ giãn nở, sức căng bề mặt hoặc các loại tương tự; dụng cụ và thiết bị đo hoặc kiểm tra nhiệt lượng, âm lượng hoặc ánh sáng (kể cả máy đo độ phơi sáng); thiết bị vi phẫu.	
9027.10	- Thiết bị phân tích khí hoặc khói	CTH hoặc VAC 40%
9027.20	- Máy sắc ký và điện di	CTSH
9027.30	- Quang phổ kế, ảnh phổ và quang phổ ký sử dụng bức xạ quang học (tia cực tím, tia có thể nhìn thấy được, tia hồng ngoại)	CTSH
9027.50	- Dụng cụ và thiết bị khác sử dụng bức xạ quang học (tia cực tím, tia có thể nhìn thấy được, tia hồng ngoại)	CTSH
	- Dụng cụ và thiết bị khác:	
9027.81	- - Khối phổ kế	CTSH
9027.89	- - Loại khác:	CTSH
9027.90	- Thiết bị vi phẫu; các bộ phận và phụ kiện	CTH hoặc VAC 40%
90.28	Thiết bị đo khí, chất lỏng hoặc lượng điện được sản xuất hoặc cung cấp, kể cả thiết bị kiểm định các thiết bị trên.	
9028.10	- Thiết bị đo khí:	CTH hoặc CTSH+VAC 50%

Mã số hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ
9028.20	- Thiết bị đo chất lỏng:	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
9028.30	- Công tơ điện:	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
9028.90	- Bộ phận và phụ kiện:	CTH
90.29	Máy đếm vòng quay, máy đếm sản lượng, máy đếm cây số để tính tiền taxi, máy đếm dặm, máy đo bước và máy tương tự; đồng hồ chỉ tốc độ và máy đo tốc độ góc, trừ các loại máy thuộc nhóm 90.14 hoặc 90.15; máy hoạt nghiệm.	
9029.10	- Máy đếm vòng quay, máy đếm sản lượng, máy đếm cây số để tính tiền taxi, máy đếm dặm, máy đo bước và máy tương tự:	CTH
9029.20	- Đồng hồ chỉ tốc độ và máy đo tốc độ góc; máy hoạt nghiệm:	CTH
9029.90	- Bộ phận và phụ kiện:	CTH
90.30	Máy hiện sóng, máy phân tích phổ và các dụng cụ và thiết bị khác để đo hoặc kiểm tra đại lượng điện, trừ các loại máy thuộc nhóm 90.28; các thiết bị và dụng cụ đo hoặc phát hiện tia alpha, beta, gamma, tia X, bức xạ vũ trụ hoặc các bức xạ ion hoá khác.	
9030.10	- Dụng cụ và thiết bị để đo hoặc phát hiện các bức xạ ion hoá	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
9030.20	- Máy hiện sóng và máy ghi dao động	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
	- Dụng cụ và thiết bị khác, để đo hoặc kiểm tra điện áp, dòng điện, điện trở hoặc công suất (trừ những dụng cụ và thiết bị để đo hoặc kiểm tra các vi mạch hoặc linh kiện bán dẫn):	
9030.31	- - Máy đo đa năng không bao gồm thiết bị ghi	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
9030.32	- - Máy đo đa năng bao gồm thiết bị ghi	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
9030.33	- - Loại khác, không bao gồm thiết bị ghi:	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
9030.39	- - Loại khác, có gắn thiết bị ghi	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
9030.40	- Thiết bị và dụng cụ khác, chuyên dụng cho viễn thông (ví dụ máy đo xuyên âm, thiết bị đo độ khuếch đại, máy đo hệ số biến dạng âm thanh, máy đo tạp âm)	CTH hoặc CTSH+VAC 50%

Mã số hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ
	- Dụng cụ và thiết bị khác:	
9030.82	- - Để đo hoặc kiểm tra các vi mạch hoặc linh kiện bán dẫn (kể cả mạch tích hợp):	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
9030.84	- - Loại khác, có kèm thiết bị ghi:	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
9030.89	- - Loại khác:	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
9030.90	- Bộ phận và phụ kiện:	CTH
90.31	Máy, thiết bị và dụng cụ đo lường hoặc kiểm tra, chưa được ghi hoặc chi tiết ở nơi khác trong Chương này; máy chiếu biên dạng.	
9031.10	- Máy đo để cân chỉnh các bộ phận cơ khí	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
9031.20	- Bàn kiểm tra	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
	- Các thiết bị và dụng cụ quang học khác:	
9031.41	- - Để kiểm tra các vi mạch hoặc linh kiện bán dẫn (kể cả mạch tích hợp) hoặc kiểm tra mạng che quang hoặc lưới carô sử dụng trong sản xuất các linh kiện bán dẫn (kể cả mạch tích hợp)	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
9031.49	- - Loại khác:	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
9031.80	- Dụng cụ, thiết bị và máy khác:	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
9031.90	- Bộ phận và phụ kiện:	CTH
90.32	Dụng cụ và thiết bị điều chỉnh hoặc điều khiển tự động.	
9032.10	- Bộ ổn nhiệt	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
9032.20	- Bộ điều chỉnh áp lực	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
	- Dụng cụ và thiết bị khác:	
9032.81	- - Loại dùng thủy lực hoặc khí nén	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
9032.89	- - Loại khác:	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
9032.90	- Bộ phận và phụ kiện:	CTH

Mã số hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ
9033.00	Bộ phận và phụ kiện (chưa được chi tiết hoặc ghi ở các nhóm khác thuộc Chương này) dùng cho máy, thiết bị, dụng cụ hoặc đồ dùng thuộc Chương 90.	CTH
	Chương 91 - Đồng hồ thời gian, đồng hồ cá nhân và các bộ phận của chúng	
91.01	Đồng hồ đeo tay, đồng hồ bỏ túi và các loại đồng hồ cá nhân khác, kể cả đồng hồ bấm giờ, với vỏ làm bằng kim loại quý hoặc kim loại dát phủ kim loại quý.	
	- Đồng hồ đeo tay, hoạt động bằng điện, có hoặc không lắp kèm bộ phận bấm giờ:	
9101.11	- - Chỉ có mặt hiển thị bằng cơ học	CTH+VAC 50%
9101.19	- - Loại khác	CTH+VAC 50%
	- Đồng hồ đeo tay khác, có hoặc không lắp kèm bộ phận bấm giờ:	
9101.21	- - Có bộ phận lên giây tự động	CTH+VAC 50%
9101.29	- - Loại khác	CTH+VAC 50%
	- Loại khác:	
9101.91	- - Hoạt động bằng điện	CTH+VAC 50%
9101.99	- - Loại khác	CTH+VAC 50%
91.02	Đồng hồ đeo tay, đồng hồ bỏ túi và các loại đồng hồ cá nhân khác, kể cả đồng hồ bấm giờ, trừ các loại thuộc nhóm 91.01.	
	- Đồng hồ đeo tay, hoạt động bằng điện, có hoặc không lắp kèm bộ phận bấm giờ:	
9102.11	- - Chỉ có mặt hiển thị bằng cơ học	CTH+VAC 50%
9102.12	- - Chỉ có mặt hiển thị bằng quang điện tử	CTH+VAC 50%
9102.19	- - Loại khác	CTH+VAC 50%
	- Đồng hồ đeo tay khác, có hoặc không lắp kèm bộ phận bấm giờ:	
9102.21	- - Có bộ phận lên giây tự động	CTH+VAC 50%
9102.29	- - Loại khác	CTH+VAC 50%
	- Loại khác:	
9102.91	- - Hoạt động bằng điện	CTH+VAC 50%
9102.99	- - Loại khác	CTH+VAC 50%
91.03	Đồng hồ thời gian có lắp máy đồng hồ cá nhân, trừ các loại đồng hồ thời gian thuộc nhóm 91.04.	
9103.10	- Hoạt động bằng điện	CTH+VAC 50%
9103.90	- Loại khác	CTH+VAC 50%

Mã số hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ
9104.00	Đồng hồ thời gian lắp trên bàn điều khiển phương tiện và các loại đồng hồ thời gian tương tự dùng cho xe cộ, phương tiện bay, tàu vũ trụ hoặc tàu thủy.	CTH+VAC 50%
91.05	Đồng hồ thời gian khác.	
	- Đồng hồ báo thức:	
9105.11	- - Hoạt động bằng điện	CTH+VAC 50%
9105.19	- - Loại khác	CTH+VAC 50%
	- Đồng hồ treo tường:	
9105.21	- - Hoạt động bằng điện	CTH+VAC 50%
9105.29	- - Loại khác	CTH+VAC 50%
	- Loại khác:	
9105.91	- - Hoạt động bằng điện:	CTH+VAC 50%
9105.99	- - Loại khác:	CTH+VAC 50%
91.06	Thiết bị ghi thời gian và các thiết bị dùng để đo, ghi hoặc biểu thị các khoảng thời gian bằng cách khác, kèm theo máy đồng hồ thời gian và đồng hồ cá nhân hoặc kèm theo động cơ đồng bộ (ví dụ, thiết bị chấm công (time-registers), thiết bị ghi thời gian).	
9106.10	- Thiết bị chấm công (time-registers), thiết bị ghi thời gian	VAC 50%
9106.90	- Loại khác:	VAC 50%
9107.00	Thiết bị đóng ngắt định giờ (time switches) có máy đồng hồ cá nhân hoặc đồng hồ thời gian hoặc có động cơ đồng bộ.	VAC 50%
91.08	Máy đồng hồ cá nhân, hoàn chỉnh và đã lắp ráp.	
	- Hoạt động bằng điện:	
9108.11	- - Chỉ có mặt hiển thị bằng cơ học hoặc có một thiết bị được kết hợp với mặt hiển thị bằng cơ học	CTH
9108.12	- - Chỉ có mặt hiển thị bằng quang điện tử	CTH
9108.19	- - Loại khác	CTH
9108.20	- Có bộ phận lên giây tự động	CTH
9108.90	- Loại khác	CTH
91.09	Máy đồng hồ thời gian, hoàn chỉnh và đã lắp ráp.	
9109.10	- Hoạt động bằng điện	CTH
9109.90	- Loại khác	CTH

Mã số hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ
91.10	Máy đồng hồ thời gian hoặc đồng hồ cá nhân đủ bộ, chưa lắp ráp hoặc đã lắp ráp từng phần (cụm máy); máy đồng hồ thời gian hoặc máy đồng hồ cá nhân chưa đủ bộ, đã lắp ráp; máy đồng hồ thời gian hoặc máy đồng hồ cá nhân chưa đủ bộ, chưa lắp ráp.	
	- Cửa đồng hồ cá nhân:	
9110.11	- - Máy đồng hồ đủ bộ, chưa lắp ráp hoặc đã lắp ráp từng phần (cụm máy)	CTH
9110.12	- - Máy đồng hồ chưa đủ bộ, đã lắp ráp	CTH
9110.19	- - Máy đồng hồ chưa đủ bộ, chưa lắp ráp	CTH
9110.90	- Loại khác	CTH
91.11	Vỏ đồng hồ cá nhân và các bộ phận của nó.	
9111.10	- Vỏ đồng hồ bằng kim loại quý hoặc bằng kim loại dát phủ kim loại quý	CTH
9111.20	- Vỏ đồng hồ bằng kim loại cơ bản, đã hoặc chưa được mạ vàng hoặc mạ bạc	CTH
9111.80	- Vỏ đồng hồ loại khác	CTH
9111.90	- Các bộ phận	CTH
91.12	Vỏ đồng hồ thời gian và vỏ của các loại tương tự dùng cho các mặt hàng khác của Chương này, và các bộ phận của chúng.	
9112.20	- Vỏ	CTH
9112.90	- Các bộ phận	CTH
91.13	Dây đeo, quai đeo và vòng đeo đồng hồ cá nhân, và các bộ phận của chúng.	
9113.10	- Bằng kim loại quý hoặc kim loại dát phủ kim loại quý	CTH
9113.20	- Bằng kim loại cơ bản, đã hoặc chưa mạ vàng hoặc bạc	CTH
9113.90	- Loại khác	CTH
91.14	Các bộ phận khác của đồng hồ thời gian hoặc đồng hồ cá nhân.	
9114.30	- Mặt số	CTH
9114.40	- Mâm và trục	CTH
9114.90	- Loại khác	CTH
	Chương 92 - Nhạc cụ; các bộ phận và phụ kiện của chúng	
92.01	Đàn piano, kể cả piano tự động; đàn clavecin (hapsichords) và các loại đàn dây có phím bấm khác.	

Mã số hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ
9201.10	- Đàn piano loại đứng	CTH
9201.20	- Đại dương cầm (grand piano)	CTH
9201.90	- Loại khác	CTH
92.02	Các nhạc cụ có dây khác (ví dụ, ghi ta, vi-ô-lông, đàn hạc).	
9202.10	- Loại sử dụng cần kéo	CTH
9202.90	- Loại khác	CTH
92.05	Nhạc cụ hơi (ví dụ, các loại đàn organ ống có phím, đàn accordion, clarinet, trumpet, kèn túi), trừ các loại đàn organ phiên chợ, đàn quay gió của người hát rong trên đường phố.	
9205.10	- Các loại kèn đồng	CTH
9205.90	- Loại khác:	CTH
9206.00	Nhạc cụ thuộc bộ gõ (ví dụ, trống, mộc cầm, chũm chọe, castanet, chuông gõ (maracas)).	CTH
92.07	Nhạc cụ, mà âm thanh được tạo ra, hoặc phải khuếch đại, bằng điện (ví dụ, đàn organ, ghi ta, accordion).	
9207.10	- Nhạc cụ có phím bấm, trừ accordion	CTH
9207.90	- Loại khác	CTH
92.08	Hộp nhạc, đàn organ phiên chợ, đàn quay gió của người hát rong trên đường phố, nhạc cụ cơ khí tạo tiếng chim hót, đàn kéo và các nhạc cụ khác không thuộc bất kỳ nhóm nào khác của Chương này; dụng cụ tạo âm thanh để nhũ mỗi các loại; còi, tù và và dụng cụ thổi bằng miệng khác để tạo âm thanh.	
9208.10	- Hộp nhạc	CTH
9208.90	- Loại khác:	CTH
92.09	Các bộ phận (ví dụ, bộ phận cơ cho hộp nhạc) và các phụ kiện (ví dụ, thẻ (card), đĩa và trục quay dùng cho nhạc cụ cơ học) của nhạc cụ; máy nhịp, thanh mẫu, tiêu và sáo các loại.	
9209.30	- Dây nhạc cụ	CTH
	- Loại khác:	
9209.91	- - Bộ phận và phụ kiện của đàn piano:	CTH
9209.92	- - Bộ phận và phụ kiện cho nhạc cụ thuộc nhóm 92.02	CTH
9209.94	- - Bộ phận và phụ kiện cho nhạc cụ thuộc nhóm 92.07	CTH
9209.99	- - Loại khác	CTH

Mã số hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ
	Chương 93 - Vũ khí và đạn; các bộ phận và phụ kiện của chúng	
93.01	Vũ khí quân sự, trừ súng lục ổ quay, súng lục và các loại vũ khí thuộc nhóm 93.07.	
9301.10	- Vũ khí pháo binh (ví dụ, súng, súng cối và súng moóc trê)	CTH
9301.20	- Bệ phóng tên lửa; súng phun lửa; súng phóng lựu đạn; ống phóng ngư lôi và các loại súng phóng tương tự	CTH
9301.90	- Loại khác	CTH
9302.00	Súng lục ổ quay và súng lục, trừ các loại thuộc nhóm 93.03 hoặc 93.04.	CTH
93.03	Súng cầm tay (firearm) khác và các loại tương tự hoạt động bằng cách đốt cháy lượng thuốc nổ đã nạp (ví dụ, súng shotgun thể thao và súng trường thể thao, súng cầm tay nạp đạn phía nòng, súng lục bắn pháo hiệu và các loại khác được thiết kế chỉ để phóng pháo hiệu, súng lục và súng lục ổ quay để bắn đạn giả, súng bắn gia súc giết mổ, súng phóng dây).	
9303.10	- Súng cầm tay nạp đạn phía nòng	CTH
9303.20	- Súng shotgun thể thao, súng shotgun săn hoặc súng shotgun bắn bia khác, kể cả súng trường - shotgun kết hợp (combination shotgun-rifles):	CTH
9303.30	- Súng trường thể thao, súng trường săn hoặc súng trường bắn bia khác:	CTH
9303.90	- Loại khác:	CTH
9304.00	Vũ khí khác (ví dụ, súng và súng lục sử dụng lò xo, hơi hoặc khí ga, dùi cui), trừ các loại thuộc nhóm 93.07.	CTH
93.05	Bộ phận và phụ kiện của các loại vũ khí thuộc các nhóm từ 93.01 đến 93.04.	
9305.10	- Cửa súng lục ổ quay hoặc súng lục	CTH
9305.20	- Cửa súng shotgun hoặc súng trường thuộc nhóm 93.03	CTH
	- Loại khác:	
9305.91	- - Cửa vũ khí quân sự thuộc nhóm 93.01:	CTH
9305.99	- - Loại khác:	CTH
93.06	Bom, lựu đạn, ngư lôi, mìn, tên lửa và các loại đạn được tương tự và bộ phận của chúng; đạn cát tút (cartridge) và các loại đạn khác và đầu đạn và các bộ phận của chúng, kể cả nòng đạn gém và nòng đạn cát tút (cartridge).	

Mã số hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ
	- Đạn cát tút (cartridge) cho súng shotgun và các bộ phận của chúng; đạn viên cho súng hơi:	
9306.21	-- Đạn cát tút (cartridge)	CTH
9306.29	-- Loại khác	CTH
9306.30	- Đạn cát tút (cartridge) khác và các bộ phận của chúng:	CTH
9306.90	- Loại khác:	CTH
9307.00	Kiểm, đoản kiếm, lưỡi lê, giáo và các loại vũ khí tương tự và bộ phận của chúng, vỏ và bao cho chúng.	CTH
	Chương 94 - Đồ nội thất; bộ đồ giường, đệm, khung đệm, nệm và các đồ dùng nội thất tương tự; đèn và bộ đèn, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác; biển hiệu được chiếu sáng, biển đề tên được chiếu sáng và các loại tương tự; nhà lắp ghép	
94.01	Ghế ngồi (trừ các loại thuộc nhóm 94.02), có hoặc không chuyển được thành giường, và bộ phận của chúng.	
9401.10	- Ghế dùng cho phương tiện bay	CTH
9401.20	- Ghế dùng cho xe có động cơ:	CTH
	- Ghế quay có điều chỉnh độ cao:	
9401.31	-- Bằng gỗ	CTH
9401.39	-- Loại khác	CTH
	- Ghế có thể chuyển thành giường, trừ ghế trong vườn hoặc đồ cắm trại:	
9401.41	-- Bằng gỗ	CTH
9401.49	-- Loại khác	CTH
	- Ghế bằng mây, liễu gai, tre hoặc các vật liệu tương tự:	
9401.52	-- Bằng tre	CTH
9401.53	-- Bằng song, mây	CTH
9401.59	-- Loại khác	CTH
	- Ghế khác, có khung bằng gỗ:	
9401.61	-- Đã nhồi đệm	CTH
9401.69	-- Loại khác:	CTH
	- Ghế khác, có khung bằng kim loại:	
9401.71	-- Đã nhồi đệm	CTH
9401.79	-- Loại khác:	CTH
9401.80	- Ghế khác	CTH

Mã số hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ
	- Bộ phận:	
9401.91	- - Bằng gỗ	CTH
9401.99	- - Loại khác:	CTH
94.02	Đồ nội thất trong ngành y, giải phẫu, nha khoa hoặc thú y (ví dụ, bàn mổ, bàn khám, giường bệnh có lắp các bộ phận cơ khí, ghế nha khoa); ghế cắt tóc và các loại ghế tương tự, có thể xoay, ngã và nâng hạ; bộ phận của các mặt hàng trên.	
9402.10	- Ghế nha khoa, ghế cắt tóc hoặc các loại ghế tương tự và các bộ phận của chúng:	CTH
9402.90	- Loại khác:	CTH
94.03	Đồ nội thất khác và các bộ phận của chúng.	
9403.10	- Đồ nội thất bằng kim loại được sử dụng trong văn phòng	CTH
9403.20	- Đồ nội thất bằng kim loại khác:	CTH
9403.30	- Đồ nội thất bằng gỗ loại sử dụng trong văn phòng	CTH
9403.40	- Đồ nội thất bằng gỗ loại sử dụng trong nhà bếp	CTH
9403.50	- Đồ nội thất bằng gỗ loại sử dụng trong phòng ngủ	CTH
9403.60	- Đồ nội thất bằng gỗ khác:	CTH
9403.70	- Đồ nội thất bằng plastic:	CTH
	- Đồ nội thất bằng vật liệu khác, kể cả mây, liễu gai, tre hoặc các vật liệu tương tự:	
9403.82	- - Bằng tre	CTH
9403.83	- - Bằng song, mây	CTH
9403.89	- - Loại khác:	CTH
	- Bộ phận:	
9403.91	- - Bằng gỗ	CTH
9403.99	- - Loại khác:	CTH
94.04	Khung đệm; các mặt hàng thuộc bộ đồ giường và các loại tương tự (ví dụ, đệm, chăn quilt, chăn nhồi lông, nệm, đệm ghế loại dài và gối) có gắn lò xo hoặc nhồi hoặc lắp bên trong bằng vật liệu bất kỳ hoặc bằng cao su xốp hoặc plastic xốp, có hoặc không bọc.	
9404.10	- Khung đệm	CTH
	- Đệm:	
9404.21	- - Bằng cao su xốp hoặc bằng plastic xốp, đã hoặc chưa bọc:	CTH
9404.29	- - Bằng các loại vật liệu khác:	CTH
9404.30	- Túi ngủ	CTH

Mã số hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ
9404.40	- Chăn quilt, chăn phủ giường (bedspreads), chăn nhồi lông và chăn nhồi bông (comforters)	CTH
9404.90	- Loại khác	CTH
94.05	Đèn (luminaires) và bộ đèn kể cả đèn pha và đèn rọi và bộ phận của chúng, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác; biển hiệu được chiếu sáng, biển đề tên được chiếu sáng và các loại tương tự, có nguồn sáng cố định thường xuyên, và bộ phận của chúng chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác.	
	- Bộ đèn chùm và đèn điện trần hoặc đèn điện tường khác, trừ các loại được sử dụng ở các không gian mở công cộng hoặc đường phố lớn:	
9405.11	- - Được thiết kế chỉ để sử dụng với các nguồn sáng đi-ốt phát quang (LED):	CTH
9405.19	- - Loại khác:	CTH
	- Đèn bàn, đèn giường hoặc đèn cây dùng điện :	
9405.21	- - Được thiết kế chỉ để sử dụng với các nguồn sáng đi-ốt phát quang (LED):	CTH
9405.29	- - Loại khác:	CTH
	- Dây đèn dùng cho cây Nô-en:	
9405.31	- - Được thiết kế chỉ để sử dụng với các nguồn sáng đi-ốt phát quang (LED)	CTH
9405.39	- - Loại khác	CTH
	- Đèn và bộ đèn điện khác:	
9405.41	- - Loại quang điện, được thiết kế chỉ để sử dụng với các nguồn sáng đi-ốt phát quang (LED):	CTH
9405.42	- - Loại khác, được thiết kế chỉ để sử dụng với các nguồn sáng đi-ốt phát quang (LED):	CTH
9405.49	- - Loại khác:	CTH
9405.50	- Đèn và bộ đèn không hoạt động bằng điện:	CTH
	- Biển hiệu được chiếu sáng, biển đề tên được chiếu sáng và các loại tương tự:	
9405.61	- - Được thiết kế chỉ để sử dụng với các nguồn sáng đi-ốt phát quang (LED):	CTH
9405.69	- - Loại khác:	CTH
	- Bộ phận:	
9405.91	- - Bằng thủy tinh:	CTH
9405.92	- - Bằng plastic:	CTH
9405.99	- - Loại khác:	CTH

Mã số hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ
94.06	Nhà lắp ghép.	
9406.10	- Bảng gỗ:	CTH hoặc VAC 50%
9406.20	- Các khối mô-đun xây dựng, bằng thép:	CTH hoặc VAC 50%
9406.90	- Loại khác:	CTH hoặc VAC 50%
	Chương 95 - Đồ chơi, thiết bị trò chơi và dụng cụ, thiết bị thể thao; các bộ phận và phụ kiện của chúng	
9503.00	Xe đạp ba bánh, xe đẩy, xe có bàn đạp và đồ chơi tương tự có bánh; xe của búp bê; búp bê; đồ chơi khác; mẫu thu nhỏ theo tỷ lệ ("scale") và các mẫu đồ chơi giải trí tương tự, có hoặc không vận hành; các loại đồ chơi đồ trí (puzzles).	CTH hoặc VAC 50%
95.04	Các máy và thiết bị trò chơi điện tử video, các trò chơi trên bàn hoặc trong phòng khách, kể cả trò chơi bắn bi (pin-table), bi-a, bàn chuyên dụng dùng cho trò chơi ở sòng bạc và thiết bị chơi bowling tự động, máy giải trí hoạt động bằng đồng xu, tiền giấy, thẻ ngân hàng, token hoặc bất kỳ phương tiện thanh toán khác.	
9504.20	- Các mặt hàng và phụ kiện dùng cho trò chơi bi-a:	CTH
9504.30	- Máy trò chơi khác, hoạt động bằng đồng xu, tiền giấy, thẻ ngân hàng, token hoặc các loại tương tự, trừ các thiết bị dùng cho đường chạy bowling tự động:	CTH
9504.40	- Bộ bài	CTH
9504.50	- Các máy và thiết bị trò chơi điện tử video, trừ loại thuộc phân nhóm 9504.30:	CTH
9504.90	- Loại khác:	CTH
95.05	Đồ dùng trong lễ hội, hội hoá trang hoặc trong các trò chơi giải trí khác, kể cả các mặt hàng dùng cho trò chơi ảo thuật và trò vui cười.	
9505.10	- Đồ dùng trong lễ Nô-en	CTH
9505.90	- Loại khác	CTH
95.06	Dụng cụ và thiết bị dùng cho tập luyện thể chất nói chung, thể dục, điền kinh, các môn thể thao khác (kể cả bóng bàn) hoặc trò chơi ngoài trời, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác trong Chương này; bể bơi và bể bơi nông (paddling pools).	
	- Ván trượt tuyết và các thiết bị trượt tuyết khác:	
9506.11	- - Ván trượt tuyết	CTH hoặc VAC 40%

Mã số hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ
9506.12	- - Dây buộc ván trượt	CTH hoặc VAC 40%
9506.19	- - Loại khác	CTH hoặc VAC 40%
	- Ván trượt nước, ván lướt sóng, ván buồm và các thiết bị thể thao dưới nước khác:	
9506.21	- - Ván buồm	CTH hoặc VAC 40%
9506.29	- - Loại khác	CTH hoặc VAC 40%
	- Gậy chơi gôn và các thiết bị chơi gôn khác:	
9506.31	- - Gậy, bộ gậy chơi gôn	CTH hoặc VAC 40%
9506.32	- - Bóng	CTH hoặc VAC 40%
9506.39	- - Loại khác	CTH hoặc VAC 40%
9506.40	- Dụng cụ và thiết bị cho môn bóng bàn:	CTH hoặc VAC 40%
	- Vợt tennis, vợt cầu lông hoặc các vợt tương tự khác, đã hoặc chưa căng lưới:	
9506.51	- - Vợt tennis, đã hoặc chưa căng lưới	CTH hoặc VAC 40%
9506.59	- - Loại khác	CTH hoặc VAC 40%
	- Bóng, trừ bóng chơi gôn và bóng chơi bóng bàn:	
9506.61	- - Bóng tennis	CTH hoặc VAC 40%
9506.62	- - Bóng có thể bơm hơi	CTH hoặc VAC 40%
9506.69	- - Loại khác	CTH hoặc VAC 40%
9506.70	- Lưỡi giày trượt băng và lưỡi trượt có bánh xe, kể cả giày trượt có gắn lưỡi trượt	CTH hoặc VAC 40%
	- Loại khác:	
9506.91	- - Các mặt hàng và thiết bị cho tập luyện thể chất nói chung, thể dục hoặc điền kinh	CTH hoặc VAC 40%
9506.99	- - Loại khác:	CTH hoặc VAC 40%
95.07	Cần câu, lưỡi câu và các loại dây câu khác; vợt lưới bắt cá, vợt lưới bắt bướm và các loại lưới tương tự; chim giả làm mồi (trừ các loại thuộc nhóm 92.08 hoặc 97.05) và các dụng cụ cần thiết dùng cho săn hoặc bắn tương tự.	
9507.10	- Cần câu	CTH hoặc VAC 40%
9507.20	- Lưỡi câu, có hoặc không có dây cước	CTH hoặc VAC 40%
9507.30	- Bộ cuộn dây câu	CTH hoặc VAC 40%
9507.90	- Loại khác	CTH hoặc VAC 40%
95.08	Rạp xiếc lưu động và bày thú xiếc lưu động; trò chơi di chuyển trong công viên giải trí (amusement park rides) và trò chơi công viên nước (water park amusements); trò chơi hội chợ (fairground amusements), kể cả khu bắn súng giải trí; rạp lưu động.	

Mã số hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ
9508.10	- Rạp xiếc lưu động và bày thú xiếc lưu động	CTH
	- Trò chơi di chuyển trong công viên giải trí và trò chơi công viên nước:	
9508.21	- - Tàu lượn siêu tốc	CTH
9508.22	- - Đu quay, đánh đu và vòng quay ngựa gỗ	CTH
9508.23	- - Trò chơi xe đung	CTH
9508.24	- - Thiết bị mô phỏng chuyển động và rạp mô phỏng chuyển động	CTH
9508.25	- - Cầu trượt nước	CTH
9508.26	- - Trò chơi công viên nước	CTH
9508.29	- - Loại khác	CTH
9508.30	- Trò chơi hội chợ	CTH
9508.40	- Rạp lưu động	CTH
	Chương 96 - Các mặt hàng khác	
96.01	Ngà, xương, đồi mồi, sừng, nhánh gạc, san hô, xà cừ và các vật liệu chạm khắc có nguồn gốc động vật khác đã gia công, và các mặt hàng làm từ các vật liệu này (kể cả các sản phẩm đúc).	
9601.10	- Ngà đã gia công và các vật phẩm bằng ngà:	CTH
9601.90	- Loại khác:	CTH
9602.00	Vật liệu khảm có nguồn gốc thực vật hoặc khoáng đã được gia công và các sản phẩm làm từ các loại vật liệu này; các vật liệu đúc hoặc chạm khắc bằng sáp, bằng stearin, bằng gôm tự nhiên hoặc nhựa tự nhiên hoặc bằng bột nhào làm mô hình, và sản phẩm được đúc hoặc chạm khắc khác, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác; gelatin đã chế biến nhưng chưa đóng cứng (trừ gelatin thuộc nhóm 35.03) và các sản phẩm làm bằng gelatin chưa đóng cứng.	CTH
96.03	Chổi, bàn chải (kể cả các loại bàn chải là những bộ phận của máy, dụng cụ hoặc xe), dụng cụ cơ học vận hành bằng tay để quét sàn, không có động cơ, giẻ lau sàn và chổi bằng lông vũ; túm và búi đã làm sẵn để làm chổi hoặc bàn chải; miếng thấm và con lăn để sơn hoặc vẽ; chổi cao su (trừ con lăn bằng cao su).	
9603.10	- Chổi và bàn chải, gồm các cành nhỏ hoặc các chất liệu từ thực vật khác buộc lại với nhau, có hoặc không có cán:	CTH

Mã số hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ
	- Bàn chải đánh răng, chổi xoa bột cạo râu, bàn chải chải tóc, chổi sơn móng tay, chải mi mắt và bàn chải vệ sinh khác dùng cho người, kể cả bàn chải tương tự là bộ phận của các dụng cụ:	
9603.21	- - Bàn chải đánh răng, kể cả bàn chải dùng cho răng mạ	CTH
9603.29	- - Loại khác	CTH
9603.30	- Bút lông vẽ, bút lông để viết và bút lông tương tự dùng cho việc trang điểm	CTH
9603.40	- Chổi quét sơn, chổi quét keo, chổi quét vecni hoặc các loại chổi tương tự (trừ các loại bút lông thuộc phân nhóm 9603.30); miếng thấm và con lăn để quét sơn hoặc vẽ	CTH
9603.50	- Các loại bàn chải khác là các bộ phận của máy móc, dụng cụ hoặc xe	CTH
9603.90	- Loại khác:	CTH
9604.00	Giàn và sàng tay.	CTH
9605.00	Bộ đồ du lịch dùng cho vệ sinh cá nhân, bộ đồ khâu hoặc bộ đồ làm sạch giày dép hoặc quần áo.	CTH
96.06	Khuy, khuy dập, khuy bấm và khuy tán bấm, lõi khuy (loại khuy bọc) và các bộ phận khác của các mặt hàng này; khuy chưa hoàn chỉnh (button blank).	
9606.10	- Khuy dập, khuy bấm và khuy tán bấm và bộ phận của chúng:	CTH
	- Khuy:	
9606.21	- - Bằng plastic, không bọc vật liệu dệt	CTH
9606.22	- - Bằng kim loại cơ bản, không bọc vật liệu dệt	CTH
9606.29	- - Loại khác	CTH
9606.30	- Lõi khuy và các bộ phận khác của khuy; khuy chưa hoàn chỉnh:	CTH
96.07	Khóa kéo và các bộ phận của chúng.	
	- Khóa kéo:	
9607.11	- - Có răng bằng kim loại cơ bản	CTH
9607.19	- - Loại khác	CTH
9607.20	- Bộ phận	CTH

Mã số hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ
96.08	Bút bi; bút phốt và bút phốt có ruột khác và bút đánh dấu; bút máy, bút máy ngòi ống và các loại bút khác; bút viết giấy nhân bản (duplicating stylos); các loại bút chì bấm hoặc bút chì đẩy; quần bút mực, quần bút chì và các loại quần bút tương tự; bộ phận (kể cả nắp và kẹp bút) của các loại bút kể trên, trừ các loại thuộc nhóm 96.09.	
9608.10	- Bút bi:	CTH
9608.20	- Bút phốt và bút phốt có ruột khác và bút đánh dấu	CTH
9608.30	- Bút máy, bút máy ngòi ống và các loại bút khác:	CTH
9608.40	- Bút chì bấm hoặc bút chì đẩy	CTH
9608.50	- Bộ vật phẩm có từ hai mặt hàng trở lên thuộc các phân nhóm trên	CTH
9608.60	- Ruột thay thế của bút bi, gồm cả bi và ống mực:	CTH
	- Loại khác:	
9608.91	- - Ngòi bút và bi ngòi:	CTH
9608.99	- - Loại khác:	CTH
96.09	Bút chì (trừ các loại bút chì thuộc nhóm 96.08), bút màu, ruột chì, phấn màu, than vẽ, phấn vẽ hoặc viết và phấn thợ may.	
9609.10	- Bút chì và bút chì màu, có lõi chì trong vỏ:	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
9609.20	- Ruột chì, đen hoặc màu	CTH
9609.90	- Loại khác:	CTH
9610.00	Bảng đá phiến (slate) và bảng, có bề mặt dùng để viết hoặc vẽ, có hoặc không có khung.	CTH
9611.00	Con dấu ngày, con dấu niêm phong hoặc con dấu đánh số, và loại tương tự (kể cả dụng cụ để in hoặc dập nổi nhãn hiệu), được thiết kế để sử dụng thủ công; con dấu đóng để sử dụng thủ công và các bộ in bằng tay kèm theo các con dấu đó.	CTH
96.12	Ruy băng máy chữ hoặc tương tự, đã phủ mực hoặc làm sẵn bằng cách khác để in ấn, đã hoặc chưa cuộn vào lõi hoặc nằm trong vỏ; tấm mực dấu, đã hoặc chưa tẩm mực, có hoặc không có hộp.	
9612.10	- Ruy băng:	CTH
9612.20	- Tấm mực dấu	CTH

Mã số hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ
96.13	Bật lửa châm thuốc lá và các bật lửa khác, có hoặc không dùng cơ hoặc điện, và các bộ phận của chúng trừ đá lửa và bắc.	
9613.10	- Bật lửa bỏ túi, dùng ga, không thể nạp lại:	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
9613.20	- Bật lửa bỏ túi, dùng ga, có thể nạp lại:	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
9613.80	- Bật lửa khác:	CTH hoặc CTSH+VAC 50%
9613.90	- Bộ phận:	CTH
9614.00	Tẩu thuốc (kể cả điếu bát) và đốt xì gà hoặc đốt thuốc lá, và bộ phận của chúng.	CTH
96.15	Lược, chải tóc và loại tương tự; ghim chải tóc, cặp uốn tóc, kẹp uốn tóc, lô cuộn tóc và loại tương tự, trừ các loại thuộc nhóm 85.16, và bộ phận của chúng.	
	- Lược, chải tóc và loại tương tự:	
9615.11	- - Bằng cao su cứng hoặc plastic:	CTH
9615.19	- - Loại khác	CTH
9615.90	- Loại khác:	CTH
96.16	Bình, lọ xịt nước hoa hoặc bình, lọ xịt để trang điểm tương tự, và các bộ phận gá lắp và đầu xịt của chúng; miếng và tấm để xoa và chấm mỹ phẩm hoặc các sản phẩm trang điểm.	
9616.10	- Bình, lọ xịt nước hoa và bình, lọ xịt để trang điểm tương tự, và các bộ phận gá lắp và đầu xịt của chúng:	CTH
9616.20	- Miếng và tấm để xoa và chấm mỹ phẩm hoặc các sản phẩm trang điểm	CTH
9617.00	Phích chân không và các loại bình chân không khác, hoàn chỉnh; bộ phận của chúng trừ ruột thủy tinh.	CTH
9618.00	Ma-nơ-canh dùng trong ngành may và các mô hình cơ thể khác; mô hình tự động và các vật trưng bày cử động được khác dùng cho cửa hàng may mặc.	CTH
9619.00	Băng vệ sinh (miếng) và băng vệ sinh dạng ống (tampon), khăn (bỉm), tã lót và các vật phẩm tương tự, bằng mọi vật liệu.	CTH
9620.00	Chân đế loại một chân (monopod), hai chân (bipod), ba chân (tripod) và các mặt hàng tương tự.	CTH

Mã số hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ
	Chương 97 - Các tác phẩm nghệ thuật, đồ sưu tầm và đồ cổ	
97.01	Tranh vẽ, tranh phác họa và tranh bột màu, được vẽ hoàn toàn bằng tay, trừ các loại tranh phác họa thuộc nhóm 49.06 và trừ các tác phẩm vẽ hoặc trang trí bằng tay; các tác phẩm ghép, tranh khảm và phù điêu trang trí tương tự.	
	- Có tuổi trên 100 năm:	
9701.21	- - Tranh vẽ, tranh phác họa và tranh bột màu	CTH
9701.22	- - Tranh khảm	CTH
9701.29	- - Loại khác	CTH
	- Loại khác:	
9701.91	- - Tranh vẽ, tranh phác họa và tranh bột màu	CTH
9701.92	- - Tranh khảm	CTH
9701.99	- - Loại khác	CTH
97.02	Nguyên bản các bản khắc, bản in và bản in lytô.	
9702.10	- Có tuổi trên 100 năm	CTH
9702.90	- Loại khác	CTH
97.03	Nguyên bản tác phẩm điêu khắc và tượng tạc, làm bằng mọi loại vật liệu.	
9703.10	- Có tuổi trên 100 năm	CTH
9703.90	- Loại khác	CTH
9704.00	Tem bưu chính hoặc tem thuế, dấu in cước thay tem bưu chính, phong bì có tem đóng dấu ngày phát hành đầu tiên, các ấn phẩm bưu chính (ấn phẩm có in sẵn tem), và các ấn phẩm tương tự, đã hoặc chưa sử dụng, trừ loại thuộc nhóm 49.07.	CTH
97.05	Bộ sưu tập và các vật phẩm sưu tập chủng loại khảo cổ, dân tộc học, sử học, động vật, thực vật, khoáng vật, giải phẫu học, cổ sinh vật học hoặc các loại tiền.	
9705.10	- Bộ sưu tập và các vật phẩm sưu tập chủng loại khảo cổ, dân tộc học hoặc sử học	CTH
	- Bộ sưu tập và các vật phẩm sưu tập chủng loại động vật, thực vật, khoáng vật, giải phẫu học hoặc cổ sinh vật học:	
9705.21	- - Tiêu bản người và các bộ phận của chúng	CTH
9705.22	- - Các loài đã tuyệt chủng hoặc có nguy cơ tuyệt chủng và các bộ phận của chúng	CTH
9705.29	- - Loại khác	CTH

Mã số hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ
	- Bộ sưu tập và các vật phẩm sưu tập các loại tiền:	
9705.31	- - Có tuổi trên 100 năm	CTH
9705.39	- - Loại khác	CTH
97.06	Đồ cổ có tuổi trên 100 năm.	
9706.10	- Có tuổi trên 250 năm	CTH
9706.90	- Loại khác	CTH